

TRẦN VĂN HƯƠNG

Cựu Giáo - sư Việt - văn

Trường Trung - Học Mỹ - Tho

LAO - TRUNG LÃNH - VẬN

TÁI BẢN



SAIGON
1974

TRẦN VĂN HƯƠNG
Cựu Giáo-sư Việt-văn
Trường Trung-học Mỹ-Tho

LAO-TRUNG LÃNH-VẬN

BỘ HOA CÚC MÙA

IN LẦN THỨ BA

SAIGON
1974

LAO-TRUNG LÃNH-VẬN

LAO-TRUNG LÃNH-VẬN

và

BÓ HOA CUỐI MÙA

LAO-TRUNG LÂN-H-VẬN

Mấy vần thơ lạnh ở trong lao,
Khéo, vụng dầu ai hiểu thế nào ;
Thương, cũng cảm ơn ; cười, cũng chịu,
Hỏi người thông cảm độ chường bao ?

TRẦN VĂN HƯƠNG

Saigon, D.L. ngày 21 tháng 4 năm 1961

Ngày thứ bảy 12-11-1960, lối 17 giờ, tôi bị Nha Cảnh-Sát và Công-An Quốc-gia đòi đến rồi câu-lưu luôn đề cứu-xét, vì tôi bị tình-nghi có liên-can trong vụ biển-cổ ngày 11-11-1960. Qua ngày sau và vài ngày kế tiếp, một số anh em trong nhóm 18 người của khối « TỰ-DO TIẾN-BỘ » — người ta thường gọi là nhóm « CARAVELLE », vì ngày 29-4-1960, sau khi đưa bức thư điều-trăn vào Tổng-Thống phủ, đại-diện của nhóm này có họp báo tại nhà hàng Caravelle —, lần-lượt bị đòi vào và bị câu-lưu. Nhìn anh em, sao tôi chợt nhớ bài thơ « Ngồi trắng » của ông HỌC LẠC, nên mượn vần bài thơ ấy (*chú, lũ, tự, phủ, vụ*) làm bài sau đây:

*Này anh, này cụ, này là chú,
Lóc-cóc vào đây ngồi một lũ,
Nhưng tưởng buồn như chó mất nhà, ⁽¹⁾
Nào ngờ vui quá bài xôm tự.
Thân này dầu vướng chốn lao lung,
Nỗi ấy vẫn ghi trong phế phủ. ⁽²⁾
Xuống chó lên voi lắm chuyện đời!
Xưa nay diễn biết bao nhiêu vụ.*

(14-11-1960)

- (1) Lúc thấy Từ Cống, lạc đoàn, chẳng biết thầy mình (Đức Không-Tử) đi phía nào, hỏi thăm một người đi đường thì người ấy hỏi lại rằng: « Có phải cái ông hơ-hơ hải-hải như chó mất nhà đó chăng? » (Ly nhiên như tán gia chi cầu). — Vì sợ trong anh em có người nghe vậy không vui, nên khi đọc bài thơ lên cho anh em nghe, tôi đọc trở lại là: « Nhưng tưởng buồn như ruộng thất mùa », và tôi cũng muốn tránh bớt một trùng-tự (chữ CHÓ trong 2 câu ba và bảy).
- (2) Khi tôi nghĩ câu này thì như vậy: « OÁN ấy vẫn ghi trong phế phủ »; nhưng khi đọc thì tôi đổi là « NỖI ấy. », vì thân còn nằm trong Công-An mà nói bướng như thế, tức nhiên rước vạ vào thân.

Vào lao được ít ngày, thấy rõ anh em cùng mình được ưu-dãi. Tuy phải bị nhốt riêng mỗi người một xà-lim (cellule), nhưng từ xà-lim này đến xà-lim nọ, giở miệng ra song sắt, vẫn nói chuyện thông-thả.— Trong đám bị nhốt một dãy với tôi, có 2 anh mà theo cáo-trạng thì một là Tổng-Trưởng Canh-Nông (anh PH. BÁ CẨM), một là Đã-Trưởng Sài-Gòn (anh TRIẾT) trong Chánh-Phủ Lâm-Thời của nhóm bạo-động hôm nọ. Nên chỉ khi anh em yêu-cầu làm thơ đọc nghe chơi giải buồn, tôi ứng khẩu đọc ngay lên :

Ai bảo trong lao khổ ?

Trong lao sướng thấy mờ !

Bên này thì cụ Tổng,

Phía nớ lại quan Đô.

Đòi vợ, ngày : ông Cử, ⁽¹⁾

Làm thơ, giểu : bác Đồ.

Các anh còn ở ngoài,

Đợi quái gì chưa vô ?

(17-11-1960)

- (1) Ông Cử TẠ CHƯƠNG PHÙNG tuy tuổi đã cao, song còn vui tánh, hay nói giỡn cho anh em đỡ buồn, thường than phiền rằng : Cảnh trong lao không đến khăm-khở, chỉ thiếu « ma femme » là đáng buồn thôi. (Bà Cử thất lạc đã lâu).

Ông Cử cũng thường giễu rằng: Trong « tứ khoái » mặc dầu có ba được đầy đủ, song còn thiếu một cũng bực lắm thôi ! Vì thế nên sẵn dịp, tôi đọc luôn bài sau đây, làm rồi trước bài trên một chút :

*Suốt ngày ăn ngủ, ngủ rồi ăn,
Chưa thấy chuyện gì, chuyện khó khăn.
Nằm khênh sờ môi : râu tủa tủa,
Ngồi rù gãi háng : dái tăn tăn.
Làm sang phe-phày tay còn quặt,
Đi tắm trần-truồng mông thiếu chắn,
ĂN, NGỦ, ỈA xong ; đầy đủ cả.
Muốn chi chi nữa, biết mần răng !*

(17-11-1960)

Vào lao được một tuần, bề ăn ở có cải-thiện phần nào, ngủ có ghế bố mùng lưới (đều mới tinh cả), ăn có khẩu-phần đặc-biệt ; nhưng trong lòng thường lo nghĩ, nhất là về đêm trong lúc thanh-vắng. Thế nên có khi sanh ra khó ngủ, suốt đêm mất trao-tráo, chịu vậy đến sáng thôi ! Một đêm kia, nằm mãi không ngủ được, ngồi dậy nhìn ra song cửa, nghĩ được bài thơ sau đây :

Thao-thức canh khuya chỗi dậy ngồi,
Chuyện đời chẳng lẽ thế này thôi ?
Tâm chưa hết kiếp, tơ vương nữa,
Thơ mới thành câu, ruột đứt rồi. (1)
Hồn mộng dẫu qua từng cửa sắt,
Nỗi lòng khôn gởi bức tường vôi.
Nghiêng mình xuống ghế toan yên giấc,
Vàng-vắng đèn xa kiếng đỏ hồi.

(19-11-1960)

- (1) Ông bạn TRẦN VĂN TUYẾN nghe câu này, tỏ ý e người ta cười mình hèn yếu chẳng. Tôi phải giải-thích cho ông bạn hiểu trong ý tôi thế nào : Tôi đứt ruột chẳng phải vì cảnh giam-hãm hiện giờ, nhưng vì đau-dớn cho nỗi nước nhà đương ở trong cảnh điêu-đứng khốn-khổ vì chánh-thề.

Một đêm trong giấc ngủ, tôi chiêm-bao thấy Bà thân-mẫu tôi kêu mắng cho một trận nên thân. Mà cũng ngộ, giọng Bà giống hệt cách nói hồi Bà còn sanh-tiền, lúc tôi độ 11, 12 tuổi chi đó ; Bà nói nào là : « Chuyện ai mặc ai can chi đến mầy ? Giải dỡ thầy cha nó, việc gì đến tiên nhưn cổ tổ mầy ? » ; nào là : « Sao mầy hay gánh vác chuyện thiên-hạ vậy ? Mầy có chịu bỏ tật thầy-lay đó không ? ». Trong bài thơ sau đây, tôi chỉ xếp thành câu văn những lời của Bà thân-mẫu tôi đã nói với tôi trong giấc chiêm-bao :

Vì chưng bẻm mép mới vào đây,
Câm họng đâu ra đến nỗi này.
Dân chúng sướng ; đồ : dân chúng khổ !
Nước nhà yên ; bảo : nước nhà nguy ! (1)
Dở hay mặc kệ thằng cha nó !
Còn mắt can chi lão nội mầy ? (2)
Ném thù mùi tù cho đáng kiếp ;
Tù rày chừa bỏ tật thầy-lay. (3)

(21-11-1960)

- (1) Vận « nguy » không được chỉnh.
- (2) Lúc tôi nghĩ bài thơ, tôi dùng 2 tiếng « lão nội » (người trong Nam thời bấy giờ không biết dùng tiếng « cụ tổ »). Khi tôi đọc bài thơ cho anh em nghe, tôi đọc trớ lại là « cụ tổ », vì tiếng « lão nội » nghe ra thô-lỗ sỗ-sàng quá.
- (3) Lẽ dĩ nhiên là giấc chiêm-bao này của tôi tưởng tượng ra.

Một buổi sớm mai kia, có lệnh bảo ra chụp hình để bỏ vào hồ sơ của mỗi người. Tuy người nào cũng cố vẻ dơ-dáy, hốc-hắc, tiêu-tụy, song ai cũng vuốt đầu sửa áo trước khi bước ra. Tôi làm liền bài thơ sau đây ngạo chơi:

Nghe lệnh đòi ra chịu chụp hình,
Đua nhau sắn sửa được làm xinh:
Anh xoa mái tóc cho ra bóng,
Cụ vuốt chòm râu để gọi tình.
Sờ trán chùi da, da mốc thếch,
Đưa tay giữ áo, áo hôi rình!
Ví dầu ảnh ấy, ngày sau thấy,
Chúng bảo nhau rằng « cái lũ ranh.. ».

(22-11-1960)

Thật rõ-ràng là một lũ ranh con ! Nhảy-nhót cho rộn mà không làm trò gì nên thân !

Trước kia tôi có nói rằng : Tuy chúng tôi bị câu-lưu, song được đặc-ân hưởng phần ưu-đãi, như ăn uống có khẩu-phần đặc-biệt, ngủ có ghế bố mừng the. Nên chỉ khi nghe anh em báo làm thơ tả cảnh ở trong lao, tôi làm bài này đọc lên cho anh em nghe :

*Ra đi người bảo : Khờ da nghe !
Ai ngỡ vào đây sướng quá nè !
Sáng buồng bánh tây đồn thật nguội,
Đêm nằm ghế bố xù màn the.
Đèn chong thường bữa soi tàn cửa, ⁽¹⁾
Linh gác đầu canh diều khắp bẽ.
Giả làng cười oui cho hết buổi,
Bên lòng nặng trịu mỗi còn đe.*

(24 - 11 - 1960)

- (1) Ở xà-lim, bóng mặt trời chiếu vào rất ít, vì vậy nên mấy cái đèn néon ngoài hành-lang dễ cháy ngày lẫn đêm cho sáng khắp, hẳn đề cho dễ bề kiểm-soát người bị giam ở trong.

Anh Nguyễn Trung Hậu tự Thuần-Dức là một nhà thơ có tiếng trong Nam vào khoảng mấy mươi năm sau này. Anh bị câu-lưu cùng một chỗ với tôi, từ ngày 18-11-1960, nhốt ở xà-lim số 9. Trong thời-gian bị câu-lưu, anh thỉnh-thoảng có họa thơ với tôi. — Anh họa bài thơ như sau đây:

*Oan ương dầu nói chẳng ai nghe,
Mười mấy hôm qua, bực lắm nè !
Chiếc áo không thay, nhìn bần-thiêu,
Chòm râu vắng cạo, mọc le-thè,
Ngày dài đêm bước vang thềm cửa,
Đêm vắng nghe sương đọng mái hè. ⁽¹⁾
Chuyện vãn chọ quên giờ khắc lun,
Tiếng xe tấp-tập lại như đe. ⁽²⁾*

(1 - 12 - 1960)

- (1) « Đêm vắng.. » : Đêm thanh-tĩnh chứ không phải đêm ngẩn-ngùi (đêm vắng), vì thế nên tiếng sương rơi cũng nghe được. (Đây là lối giả-tả-đối).
Lúc anh HẬU đưa bài thơ cho tôi khi chúng tôi được trả tự-do tạm, thì anh viết :
« ... đọng mái hè » ; tôi nghĩ có lẽ anh muốn nói « đọng mái hè » thì phải.
- (2) Lúc anh HẬU đương nghĩ bài họa này, anh có than với tôi rằng : « văn ĐE hơi nghiệt một chút ». Tôi có ý phá anh chơi, nên đề-nghị cùng anh rằng : « thì anh đề 2 câu như thế này :

*Thôi sắt trong lò, nung lửa đỏ,
Chịu sao cho nôi búa cùng đe ! »*

Anh le lưỡi nói : « Nghe trệ lắm ! ». — Tôi cười : « Anh cứ kiểm hai câu chuyện kết khác đi ! ».

Bị giam đã được nửa tháng, hết ngày này qua ngày khác, cũng chưa thấy nhà cầm-quyền tra xét và quyết định ra sao. Thấy có mấy anh được trả tự-do, chắc hẳn không có dính-dáng chi đến vụ bạo-động hôm rồi thì phải ; nhưng còn bao nhiêu người nữa cũng không dính-dáng vào chuyện chi hết, sao vẫn còn nằm ỳ đây ?

*Chấm thoát vào đây đã nửa tháng,
Nổi mình nổi nước, linh xăn-văn.
Nếu như xét kỹ điều vô lý,
Đâu lại sanh ra chuyện bất bằng.
Tiếng khóc Tân-dinh nghe mới dứt, ⁽¹⁾
Biển oan Tinh-vệ lấp sao phăng?
Vùng kềm lèo lái cơn động lổ,
Mây lạnh trời quang họa thấy chằng?*

(27 - 11 - 1960)

(1) Tích Thôn Bao Tư khóc Tân-dinh : Sau khi nước Sở bị nước Ngô đánh chiếm, tôi nước Sở là Thân Bao Tư chạy qua Tần cầu cứu, đứng khóc tại điện vu Tần 7 ngày không dứt. Tần-công thấy thế động lòng, kéo quân sang đuổi binh Ngô, cứu Sở.

Nước Việt-Nam lúc bấy giờ thoát khỏi cái ách thống-trị của người Pháp cũng chưa được bao lâu.

Hôm nọ vào khoảng mồng 10 hay 11 tháng mười âm-lịch, tôi dòm theo lỗ song sắt trên đầu tường, biết là trời sáng trăng, song cũng không thấy trăng ra làm sao, chỉ nghe trẻ nhỏ chạy đùa giỡn la ó vậy thôi. Tôi mời 2 anh HẬU và CẨM làm thơ tả « Cảnh Trời sáng trăng mà không thấy trăng », và cấm trong thơ không được dùng những chữ TRĂNG, NGUYỆT, hoặc các điển tích CHỊ HẰNG, CUNG QUẢNG hay THĂNG CUỘI, CUNG QUẾ v.v... Đa ra điều-kiện khó thì mình phải đi trước chớ biết trốn tránh thế nào ? Tôi nghĩ xong, đọc bài thơ sau đây :

*Đưa mắt xa nhìn cảnh sáng choang,
Từng không lóng-lánh ánh mênh-mang.
Gió đùa song sắt lửa hơi rạng,
Mây núp rèm cây ửng sắc vàng.
Chó sủa.— Sủa chi? chi thấp-thoảng, ⁽¹⁾
Trẻ chơi.— Chơi cái? cái mơ-màng. ⁽²⁾
Của chung, ai hưởng mình không hưởng!
Đành vậy! thôi chờ tháng khác sang.*

(28 - 11 - 1960)

(1) Chó sủa trăng.

(2) Trẻ giỡn trăng.

Anh PH. B. CẨM chịu thua ; anh NG. TR. HẬU mấy hôm sau đọc bài thơ sau đây, nhưng vẫn phạm mấy điều cấm :

*Vẫn biết đêm này, đêm có trăng,
Mà trông chẳng thấy, biết hẳn rằng?
Canh khuya, phòng vắng, trơ thân Cuội,
Còng kín, tường cao ánh chị Hằng.
Kêu gọi luôn mồm ba cái vạc,
Nhặt khoan tặc lưỡi mấy con lân.
Trong, ngoài xa cách đôi gang tấc,
Kẻ sáng, người đui găm cũng bằng.*

(2 - 12 - 1960)

Ngày 1-12-1960, ngồi nhớ lại là ngày sanh-nhật của mình. Tuy trước kia lúc ở ngoài, không mấy khi tôi nghĩ tới ngày ấy, thế mà hôm nay ngồi trong lao, đến ngày ấy, lại thấy trong lòng hơi bùi-ngùi. Tôi cảm-xúc làm bài thơ sau đây :

*Có lẽ xưa kia vụng kiếp tu,
Hôm nay sanh-nhật ở trong tù.
Đào dâng dưới gối: con di vãng!
Rượu chúc trên tay: bạn chạy đâu!
Hạ thọ phải chăng trà một cốc,
Chúc từ chín có chuyện vài câu.
Chẳng qua sự bởi do mình tạo:
Sao đề thân làm đứa thất-phu?*

(1 - 12 - 1960)

Vì mình là thằng thất-phu, bất tài vô-dụng, nên mới đề bị bắt làm thân tù tội như thế này.

Vào đây đã hơn 3 tuần-lẽ rồi, thế mà chưa có dịp nào để cạo râu và cắt tóc, nên anh em ai nấy râu ria tua-tủa, đầu cò chù-ngù, trông con người thật hình dung cồ quái. Nhon anh em có người buồn, tôi nghĩ ra bài thơ sau đây đọc để giúp vui anh em một đôi chút :

DỊ TƯỚNG BẮT TÀI

*Cũng dự phong-lưu lúc ở ngoài,
Vào đây, nhìn mãi chẳng ra ai.
Mặt mày ủ-rũ, râu dòm miệng,
Đầu cò chom-bơm, tóc liềm tai.
Răng cò vằng chùi hôi thùm-thùm,
Áo quần không giặt ngửi khai-khai.
Chưa bao lâu, đã thay hình dạng;
Dị tướng, than ôi ! lại bắt tài !*

(1 - 12 - 1960)

Người thường bảo : « Dị tướng tất hữu kỳ tài » (Người có tướng dị kỳ hẳn phải có tài khác thường). Chúng tôi hình dáng dị kỳ mà không có tài chi hết,

Bị giam vào lao ít lâu, thường đêm lối 9, 10 giờ, nghe có tiếng hoặc ca hoặc hát vắng-vắng từ xa đưa đến, giọng vô cùng buồn thảm, như hờn như oán, như khóc như than. Tất cả anh em, ai nghe cũng đau lòng đứt ruột. Ban đầu ngỡ là tiếng hát ca của mấy ông lính canh ; sau nghe kỹ lại thì là tiếng ca hát do một xà-lim cuối dãy đưa lại, mà người ca hát là một cậu còn nhỏ, lối hai mươi tuổi thôi. (Sau ngày biến-cổ 1-11-1963, mới biết cậu tên HÀ-MINH-TRÍ, toan ám-sát cổ Tổng-Thống NGỒ ĐÌNH DIỆM ngày 22-2-1957, trong dịp khai-mạc Hội Chợ Ban-Mê-Thuật. Sau khi bị giam giữ vài chỗ, cậu được mang về Nha Tổng Giám-Đốc Công-an và Cảnh-sát Quốc-gia, giam ở trại B, xà-lim số 10, kế bên xà-lim số 9 của anh HẬU. Trách nào khi có đồ ở ngoài tiếp-tế, tôi mang đến biếu cậu, mấy ông gác biếu tôi dùng cho « không nên, e có chuyện lồi-thôi »).

Một đêm, cũng nghe ca hát như thế, tôi xúc-dộng mạnh, nghĩ ra bài thơ sau đây, đọc cho anh em nghe sau khi dứt tiếng hát :

Từng chập lượn song giọng thiết-tha,
Đưa niềm u-uất khách phòng xa.
Ni-non máu ghen lời yêu nước.
Tê-tái sầu nung hận mất nhà.
Oán dậy ào-ào: cây núi đỏ;
Hờn tuôn cuộn-cuộn: suối ngàn sa.
Lặng nghe nào-nuột người thông cảm,
Đồng bệnh cùng thương lựa trẻ già.

(10 - 12 - 1960)

Cách đó mấy hôm, anh NGUYỄN TRUNG HẬU cũng làm một bài thơ với đề đó và đọc cho tôi nghe :

Phòng giam trăn-trở lụn canh gà,
Bên cạnh người đầu cát tiếng ca !
Hơi oán thêm bào gan ruột khách,
Giọng than như khóc nước non nhà !
Mờ-mờ sương lạnh, sao khuya rưng,
Cuộn cuộn mây sầu, gió thảm qua !
Đêm vắng khiến ai đồng cảnh-ngộ,
Động niềm tâm-sự khó phôi-pha.

(26-11-60)

Anh HẬU cùng tôi cùng làm một đề ; anh đọc cho tôi nghe cách 2, 3 ngày sau, mà sao anh lại đề là ngày 26-11-1960 ? — Hoặc giả vì anh nằm cạnh cậu TRÍ nên đề ý đến trước mà làm bài thơ anh trước khi nghe bài thơ tôi chăng ?

Tôi cũng xin nhắc lại là sau ngày được phóng-thích (7-4-61), tôi đánh máy mấy bài thơ mà tôi đã làm trong lao và tôi còn nhớ, đem sang biếu anh HẬU (19-4-1961). Ngày anh qua thăm tôi lại (24-4-1961), anh cũng có nhã ý đem biếu tôi mấy bài thơ anh đã làm lúc còn bị câu-lưu. Trong thời-gian bị câu-lưu, anh HẬU cũng như tôi, không ai có viết, giấy chi cả ; làm được thơ thì rần nhớ đó, qua đến ngày 26-12-1960, tôi mới có dịp lên chép lại trong xấp giấy đề đi... ; còn anh HẬU, sau ngày được phóng-thích (22-12-1960), anh về nhà mới có dịp chép lại thơ của anh đã làm trong lao.

Một hôm, ông bạn PHAN, cũng bị nhốt cùng một dãy, được bà vợ gửi cho một cây quạt lá ; anh PHAN có nhã ý đưa sang biếu tôi, có lẽ vì anh thấy tôi không mấy khi cây quạt rời tay và cây quạt giấy của tôi cũng hơi cũ. (Cây quạt này tôi biếu lại anh NG. TH. VINH, sau đó bị nhốt xà-lim kế bên tôi). — Tôi cầm cây quạt, phe phẩy quạt và mừng Ông Cử PHÙNG chộc tôi nói rằng : « Thứ tù mà cũng cầm quạt ». — Tôi ngâm liền hai câu sau đây :

Địa không cầm quạt, không ra Địa ;

Tù chưa ăn đờ, chưa phải tù.

(Tôi lúc ấy còn mập lắm ; có anh giỡn chơi kêu tôi là ông Địa).

Anh HẬU khen câu thơ đó, nhưng buộc tôi phải làm trọn bài thơ. Tôi vâng lời, nhưng xin làm một bài thơ tả chung cái phong-vị trong lao của anh em. Anh HẬU chịu. Tôi nghĩ một hồi, đọc bài thơ sau đây lên cho anh em nghe :

Phong-độ nhà lao có dễ đâu !

Tập thành nề-nếp lắm công phu.

Nằm cao ngủ kỹ sao ràng phạm,

Ở bán ăn đờ mới gọi tù.

Nghiêng-ngửa nằm khênh xem đáng mặt...

Trần-trường đứng tám để trơ... khu. (1)

Nhấn ai muốn học, vào đây học :

Phong-độ nhà lao có dễ đâu !

(11 - 12 - 1960)

(1) Khi tôi nghĩ bài thơ thì là... « để trơ cu » ; nhưng khi đọc, tôi đọc trở lại là « để trơ khu », cho thanh hơn một chút.

Trong bài thơ này, tôi phạm lỗi trùng tự : tiếng **NĂM** tôi dùng 2 lần trong 2 câu 3 và 5. — Như tôi đã nói, khi làm thơ, trong tay không có giấy, viết, thành thử không thấy kịp, nên thỉnh-thoảng anh HẬU như tôi hay phạm lỗi ấy.

Vào lao đã được một tháng, bề ăn ở tuy chẳng có chi đáng gọi là kham-khò, nhưng trong lòng chẳng lúc nào quên nỗi nước nhà, nên mỗi lo-âu không mấy khi tắt hẳn. Tôi có nghĩ bài thơ sau đây, rồi đọc lên cho anh em nghe :

*Sự thế man-man tính chưa rồi,
Vào đây thoát đã đủ trăng thôi!
Cảnh này tuy đẹp bề ăn ở,
Nỗi ấy khôn khuây lúc đứng ngồi.
Vận nước những lo dâu biên đời,
Tuổi mình lưỡng thẹn tháng ngày trôi.
Nhấn ai ngoài ấy ta xin hỏi:
Triều đã lui xa, cát có bồi ?*

(12 - 12 - 1960)

Anh PH. B. CẨM bị giam ở xà-lim kê bên (số 6), lẽ khi muốn phá tôi chơi, làm bài thơ thách họa có những vần thơ thế này : « ...nhốt thú CHIM », « ...ở xà LIM », « ...đóng khít RIM », « ...đọt cây SIM », « ...chốn tịch NGHIÊM » — Tôi ngồi ăn cơm nghĩ bài thơ anh mới vừa đọc trước khi dọn cơm. Ăn xong, tôi đọc bài thơ họa sau đây cho anh nghe :

CƯỜI NGƯỜI NÓI KHOÁC (NÓI PHÁCH)

*Ngồi ngục mà mong có cánh chim,
Cười người mặt sứa tường gan lim. ⁽¹⁾
Mềm xèo đường thề cua con lột,
Ngọt xót in như trái chín rim.
Thấy dễ, ba-hoa ham nói khoác,
Gặp nguy, khóm-róm giả làm nghiêm.
Thử xem cân nhắc đường khinh trọng,
Ai nữ mâm xoài đòi gánh sim?*

(14 - 12 - 1960)

- (1) Lúc tôi ở ngoài Bắc thường nghe nói « mặt sứa gan lim » để chỉ hạng người coi bề ngoài chẳng thấy chi đặc-biệt khác thường, nhưng lại là người có can đảm. Theo thiên ý, có lẽ « mặt sứa gan lim » thì phải, vì : « gan lim » chỉ người có can trường, trái với « mặt sứa » chỉ người nhút gan, vì con sứa làm gì có mặt. Trong bài thơ anh CẨM, vần SIM ở trên còn vần NGHIÊM ở dưới ; tôi vì sợ ý nên đem vần NGHIÊM lên trên, bỏ vần SIM xuống dưới.

Tôi thường thích ăn cơm cháy, lúc ngồi không nhai chơi cho đỡ buồn miệng, như người ta hút thuốc điếu hay nhai trầu, hay nói đúng hơn, như người ta nhai chewing gum vậy. — Kể bên, có anh VĂN vì lẽ đau gan, không ăn cơm, chỉ ăn bánh mì thôi. Anh em thấy tôi nhai cơm cháy, cười nhạo. Tôi làm liền bài thơ sau đây để chữa mình, đọc lên cho anh em nghe :

*Mỹ vị cao lương sá kè gì,
Vào đây ngon dờ chỉ tùy nghi.
Giải buồn ta gặm vế cơm cháy,
Đỡ dạ người nhai khúc bánh mì.
Tươi cá trắng cơm no cũng đủ, ⁽¹⁾
Cao mâm đầy cỗ sướng mà chi?
Cái may phải biết tìm trong rủi, ⁽²⁾
Thuật ấy sau này nhớ chép ghi?*

(1) Lại phạm trùng tự nữa : tiếng CƠM trong hai câu 3 và 5.

(2) Lão, Trang có dạy : Phải biết tìm cái TÌNH trong cái ĐỘNG, cái YÊN trong cái NGUY thì được hạnh-phúc.

Một buổi sáng sớm, trời lạnh nhiều. Tôi ngồi trong xà-lim chưa ra rửa mặt, thấy anh HẬU đi ngang qua, bộ co-ro như bị lạnh chịu không kham. Tôi chợt nghĩ ngay 2 câu thơ. Một lúc sau, anh trở lại thì tôi cũng vừa bước ra, tôi vỗ vai anh, đọc rằng :

*Con Tạo khuấy chơi người tuổi tác,
Chữ danh làm thiệt cái hình hài.*

Tôi nói tiếp : « Tôi biếu cho anh một cái hột : không biết đó là ngọc hay là chai. Vậy anh vui lòng làm một chiếc nhẫn cho đẹp nhận vào đeo làm kỷ-niệm » — Ba hôm sau, anh HẬU đã làm xong bài thơ, đọc cho tôi nghe, trong đó anh lấy 2 câu trên đây làm cặp trạng :

*Lều tranh nường náu sống qua ngày,
Căn nghiệp còn vương chúl nạn tai!
Con Tạo khuấy chơi người tuổi tác,
Chữ danh làm thiệt cái hình hài.
Thừng quen nửa kiếp, mùi chạy lạt,
Chị lạ đời tuần, vị đắng cay!
Mù mịt biết đâu là họa phúc?
Bầy mười chưa dám gọi tăng may!*

(4 - 12 - 1960)

Năm ấy, anh HẬU đã 69 tuổi rồi.

Tôi cũng đã làm sẵn một bài, trong đó tôi lại dùng 2 câu kia làm cặp luận. Khi anh HẬU đọc bài thơ của anh rồi, tôi liền đọc bài thơ của tôi cho anh nghe :

*Định mạng dành hanh khéo đặt bài,
Dem chi đau khổ thử lòng ai ?
Vẫn dương lạng bước đường lu niệm,
Dầu bằng sa chơn chốn họa tai.
Con Tạo khuấy chơi người tuổi tác,
Chữ danh làm thiệt cái hình hài. ⁽¹⁾
Dám khuyên ần nhẫn cho tài nghiệp :
Ngôi vị đã dành quyết chẳng sai.*

(15 - 12 - 1960)

Theo chỗ tôi biết, anh HẬU không đính-dáng-chi đến vụ biến-cố ngày 11-11-1960. Nhưng vì anh có nhiều uy-tín trong phái Cao-Đài Tây-Ninh, nên tác-giả bức truyền đơn của « Mặt Trận Quốc-Gia Đoàn-Kết » nào đó điền ngang tên anh vào, cũng như đã điền tên của bao nhiêu người khác.

Một điểm nghi-vấn : Hai câu thơ tôi đưa cho anh HẬU vào sớm mai ngày 12-12-1960 ; ba ngày sau (15-12-1960), anh đọc bài thơ anh cho tôi nghe và tôi cũng đọc bài thơ tôi cho anh nghe ; sao anh lại đề rằng thơ anh làm ngày 4-12-1960 ? Lại một lần nữa, anh Hậu lộn hay tôi lộn ?

Sau ngày anh HẬU về nhà (22-12-1960) và được bài thơ tôi trao cho anh khi qua thăm anh (19-4-1961), anh đem bài anh họa lại thơ tôi, khi anh đến thăm tôi (24-4-1961).

*Rủi may cơ lạc đã an bài,
Oan nghiệt đến bồi, dám trách ai ?
Lòng đạo dầu rằng xa ngũ dục,
Thân phạm dầu dễ tránh lam lai !
Tuy gian lao ấy, mình cam chịu,
Mà tội tình chi ? họ muốn hài ?
Một tháng năm ngày qua thử thách,
Giữ tròn tiết-tháo chẳng đơn sai.*

(24 - 4 - 1961)

Một đêm nọ, cũng không ngủ được, nằm nghĩ ra một bài thơ. Đọc lại mới thấy toàn là vận khó ! — Vì bài thơ sách họa của anh CẨM hôm nọ, sáng ra tôi đọc bài thơ tôi vừa làm khi hôm cho anh em nghe rồi mời hai anh HẬU và CẨM họa chơi. Anh CẨM chịu thua, còn anh HẬU thì trách là làm thơ xướng « thất đức » như thơ HỒ XUÂN HƯƠNG, không đề cho ai họa. Một anh bạn khác, anh TUYÊN, phê-bình rằng : « Một cô con gái 18 tuổi ra thơ sách họa như thế này đề kén chồng, chắc hẳn là đến 80 tuổi cũng chưa có chồng ! »

ĐÊM NÀM KHÔNG NGỦ

Trần-trọc thâu canh giấc chập-chờn,
Lòng này cảnh ấy khéo lờn-tờn
Quên tình lánh mặt trăng đà phụ,
Giữ nghĩa đưa hơi gió vẩn mơn.
Trăm vẻ rộn khoe phượng cú-n-núm, (1)
Một bề cam chịu kiếp thờn-bơn. (2)
Thôn gần giục-giã gà đưa gáy,
Lơ-lửng đầu cây bóng sáng vờn.

(16 - 12 - 1960)

- (1) Trong Nam dùng tiếng CÚM-NÚM cùng một nghĩa với KHÙM-NÚM. Cúm-núm cũng là tên một loại chim đồng, giống hơi chim trích, thường gọi là con gà nước.
- (2) Con cá thờn bơn ngoài Bắc, trong Nam gọi là cá lười trâu.

Gần hai mươi ngày, bộ râu không được cạo đã muốn bỏ hàm thừa-ra sờ chơn mày thấy có mấy sợi lông dài thặm-thướt, chợt nhớ đến 2 chữ «tu-mi» mà buồn tủi, lờ khốc lờ cười.— Nhưn anh em bảo làm thơ đọc nghe chơi, tôi vịn vào đó làm bài thơ sau đây :

NÓI PHÁCH

Cũng râu mày dễ kém gì ai.
Xấu số nên ra đứa bất tài.
Xuôi ngược chỉ mong đời sáng tỏ,
Vụng hèn sẵn chịu tiếng chê bai.
Vĩ dân trót gáng xoay thời thế,
Dụng võ còn hiềm thiếu đất đai. (1)
Mù-mịt tương-lai nhìn thẳm-thẳm,
Đau lòng đành chép miệng than dài.

(20 - 12 - 1960)

- (1) *Truyện Tam-Quốc chí* : «Tháo đắc Kinh-châu, anh-hùng vô dụng võ chi địa» (Tào Tháo đã lấy được đất Kinh-châu rồi, thì đâu là người anh-hùng di nữa cũng không có đất mà dụng võ, nghĩa là khó tạo cơ-hội thuận-tiện để thành công) Câu này của Chư Cát Lượng nói với bọn mưu-sĩ Đông Ngô trong lúc thiết chiến quân nho, để trả lời với họ khi họ cười mỉa ông và Lưu Bị là bất tài.— Câu này đã được bao nhiêu kẻ bất tài mượn đề che đậy cái vụng hèn của mình (cũng như tác-giả bài thơ trên đây chẳng hạn).

Sáng bữa thứ hai 26-12-1960 có anh bạn tỉnh số ngày bị giam lao rồi bảo tôi làm thơ. Tôi nghĩ liền bài thơ sau đây, đọc lên đề anh em nghe :

Ngày dài lần tính bốn mươi tư,
Chả lẽ nằm đây mãi thế ư ? (1)
Tỉnh thật mới phân điều trái phải,
Lòng thành hẳn nghĩ chuyện nên hư.
Thân mình giam hãm buồn sanh chán,
Vận nước truân chuyên khổ dám từ.
Định-mạng bất sao, vui chịu vậy,
Tuổi gần sáu chục sống đà dư !

(26 - 12 - 1960)

- (1) Lúc đọc bài thơ, chẳng đề dó lại là một bài khẩu-chiến : Lối một giờ đồng giờ sau đó, anh em 6 người trong khối « Tự-Do Tiến-Bộ » (PHÙNG, LÝ, VĂN, TUYÊN, VIÊN và tôi) cùng 2 anh NG. ĐẠI THẮNG và PHẠM LỢI bị chuyển sang một nơi khác.

Chỗ chúng tôi bị chuyển sang là một ngôi nhà lâu trước kia của ông LÊ VĂN VIỄN (Bình-Xuyên), biến thành một chi-nhánh cơ-quan mật-vụ đặt ở Trại Lê Văn Duyệt, trực thuộc quyền chỉ-huy tối cao của «Cậu CẦN» ở ngoài Trung. Đến chỗ mới, không-khí bắt đầu thấy có mùi khó chịu, như nặng-nề đè trĩu trên tâm-hồn của mỗi người, có lẽ vì chẳng những cái ưu-đãi trước kia đã phải dẹp đi, mà lời nặng nhẹ chưa cay đã khởi sự dưng tới.

Chiều hôm đó, trong lúc cachot được mở cho can-nhơn ra ngoài, tôi đương hỏi thăm người cũ trong ấy để tìm chỗ đi tiêu, vừa bước chơn đi thì 1 ông lính gác (lính gác ở đây là do của «CẬU» ở Trung gởi vào) kêu giựt tôi lại rằng: «Thằng già kia đi đâu đó?» Sau khi trở vào cachot, tôi nghĩ ngay bài thơ sau đây:

*Nhấn nhủ ai luôn gió bẻ măng,
Chuyện văn sự thế biết hay chăng?
Có sao quên chuyện dẫu thành bè,
Mà vội khinh ta cụ hóa thằng?
Ưỡn ngực, khòm lưng: phường lớn-tón,
Lên voi, xuống chó: cảnh lãng-nhăng.
Mái nhà thấp, trót chui vào đó,
Cúi cái đầu cao! Vậy mới rằng...*

(26-12-1960)

Sau ngày biến-cổ 1-11-1963, bao nhiêu chuyện xảy ra đã trả lời đủ cho hạng người được thể lên giọng hống-hách.

Từ ngày đời lại đây, tinh-thần chúng tôi thường bị kinh-động dư-dội lắm, nhứt là cho một ông bạn bị nhốt cùng phòng với tôi, tánh hay bi-quan, nhiều lúc đâm ra thối chí thất vọng, cứ tìm mãi những chuyện buồn lo đáng sợ.— Tôi nhờn thể làm ra 2 bài thơ :

I.— *Hắn cho khò thể chẳng vào đâu,
Nặng óc bày thêm lắm nỗi sầu.
Chuyện có, loại phăng phần đẹp ý,
Việc chưa, tuyền rập khúc rơi châu.
Chúa Bà thông cảm nhưng nhẩn mặt,
Đức Phật từ-bi cũng lắc đầu.
Tự cứu làng quên, ai cứu được?
Như vậy không khéo dọa còn lâu!*

II.— *Bỗng dưng sự thế đến như vậy,
Giận chẳng nên, mà trách chẳng hay,
Biền động dễ đâu không lúc tịnh,
Trắng vơi hẳn cũng có khi đầy.
Đã đành huyết nhục ai như này,
Sao dễ can trường đó khác đây?
Chớ vội lắm khinh đau khò ấy:
ĐAU là bài học, KHÒ là thầy.*

(13 - 1 - 1961)

Một buổi chiều kia, vừa bàn với ông bạn về tình-hình hiện-tại của nước nhà, tôi dờm ra sân thấy cảnh trời như theo lòng mình mà buồn lo cho thế-cuộc.— Tôi cảm-xúc, nghĩ ngay bài thơ cảm-tác sau đây :

*Ác xế dẫu sân bóng ngả dài,
Nỗi lòng này biết gởi cùng ai ?
Mông-mênh trước mắt trời muôn dặm,
Rối-rắm bên hông toán một bài.
Thế chẳng đòi thay trong sớm tối,
Nước e nguy khốn nội nay mai.
Mấy phen toan góp phần xây dựng,
Nhưng hồ làm thân đũa bất tài.*

(16-1-1961)

Trong vùng tôi bị giam, có một ngôi chùa Phật. Mỗi sáng lối 5 giờ, tiếng chuông sải công-phu gióng lên. Trong lúc tâm-hồn đương bị kinh-động mạnh, tiếng chuông đem đến cho mình một nguồn yên-ủi, một tia hy-vọng nơi tương-lai. — Nhưng khi tiếng chuông sắp dứt, giọng ngân mỗi lúc xa rồi mồn lẩn tắt hẳn, thì bao nhiêu hy-vọng của mình như theo tiếng chuông đề cùn nó tiêu tan trong không-gian ! Có lẽ cái đau khổ của nhóm người bị nhốt nơi đây nó lớn-lao quá, nên chi Đức Phật ngài cũng phải chịu thúc thủ vô sách đi thôi ! Một buổi khuya, tôi nghe tiếng chuông, nghĩ ra bài thơ sau đây :

*Chùa khuya vang dậy tiếng chuông hồi,
Mảng tượng bẽ từ đền vớt lời.
Động tzi buồn lo sao lắm thế !
Chồn thân ngày tháng đã bao rồi ?
Hơi thuyền mới dậu phần đau-dớn,
Lửa khổ dẫu nung tzen dập-dối.
Giọng mồn lẩn xa, ngân lặng tãi,
Phải chăng Phật cũng chịu đi thôi !*

(20.1.1961)

Lúc bị giam chung với một ông bạn, chúng tôi thường bàn đến cái vấn-đề « thắc-mắc lương-tâm » (cas de conscience) : Lắm khi trong hành-động mình, mình ngỡ là làm theo lời dạy của NGHĨA-VỤ (devoir), nhưng sự thật là mình chịu sự thúc-đầy của lòng TỰ-KIỆU (orgueil). Riêng về tôi, suốt trong mấy mươi năm, đã có lần từ-khước cái giàu sang đem đến, vì cho đó là làm theo phận-sự của mình, cam tâm chịu nghèo túng, quên nghĩ đến cảnh vất-vả của cha mẹ trong thiếu-thốn — mà cha mẹ tôi cũng chẳng bao giờ vì thế mà than trách hay buồn giận chi ! — Giờ đây cha mẹ không còn, mỗi khi nhớ đến cảnh cực khổ của hai thân, cái vấn-đề « thắc-mắc lương-tâm » lại được dờ ra nữa, rồi trong lòng đau khổ vô cùng. Nhưng đây chỉ là « một chuyện đã rồi » (un fait accompli), chỉ biết chảy nước mắt thôi chớ còn biết làm sao được ! Sau đây là 2 bài thơ tôi làm trong lúc bị xúc-động mạnh :

1. — Cây muốn êm, nhưng gió chẳng ngừng ! ⁽¹⁾

Bào dền thắm nghĩ, lụy tương-tương.

Tưởng ngăn ân chịu, ngăn nuôi dưỡng,

Quên mỗi năm thêm, mỗi sợ mừng. ⁽²⁾

Nghĩa nặng non cao xô khó nung,

Cình sâu biển thắm lạt sao lường.

Đau lòng loan thét lên chạ lớn ;

Vội vợi trời xanh ngắt mấy từng !

(1) « Mộc dục tịnh nhi phong bất đình », lời than của thầy Từ-Lộ khi nghĩ đến cha mẹ đã chết, dầu muốn phụng dưỡng cũng không biết làm sao được.

(2) « Phụ mẫu chi niên, bất khả bất tri giả ; nhút tắc dĩ hĩ, nhút tắc dĩ cụ » (Tuổi của cha mẹ, làm con không nên không biết đến ; cha mẹ sống thêm một tuổi nữa là một chuyện đáng mừng mà cũng là một chuyện đáng làm cho con phải lo sợ, vì cha mẹ đến gần chỗ chết, giờ chết).

11. — Sự-kiện bình lâm nhận xét nhiều,
Hỏi mình : thành thật NGHĨA hay KIỀU ?
Nghĩ thân chi sợ phần công lợi,
Đối chúng dẫu lo nhất bữa ziu.
Vận nước lên song bề chẳng lộn,
Nỗi nhà sanh dưỡng nợ chưa tiêu.
Mơ-màng cảnh ngoại mười năm tước :
Cội từ cành dâu bồng xẻ chiều !

(23-1-1961)

Một hôm, thấy trên hội-trường dọn dẹp rộn-rịp, trong lúc các phòng giam đều phải đóng cửa lại hết. Tôi và ông bạn cũng bị dời qua một phòng khác bên kia sân. Hỏi thăm lên mới hay là có giảng-viên đến huấn-chính cho số người cộng-sản bị giam giữ trước khi họ được phóng thích.— Cửa hội-trường thì đóng kín cũng như cửa phòng của mình, lại thêm giảng-đường cũng xa, thành thử dầu cố hết sức để nghe coi giảng-viên nói gì, cũng không tài nào nghe được chi hết. Thêm nổi có mấy con chó con bên cạnh hè cứ la oảng-oảng mãi, nên chi thỉnh-thoảng tôi chỉ nghe được tiếng vỗ tay thôi. Tôi ngồi nói chuyện với ông bạn, nghĩ ra bài thơ sau đây :

*Thấy rộn sanh nghi, lên hỏi đơn ;
Mới hay huấn-chính cộng đương còn...
Lệnh trên nghi xuống ban mưa móc,
Lòng dưới phời ra hứng ngọt ngon.
Hân ý giảng-viên trình rất khéo,
Nên tay thỉnh-giả vỗ thêm giòn.
Nghiêng tai chờ rót lời châu ngọc :
Oảng-oảng bên hè tiếng chó con.*

(5-2-1961)

Gần ngày 23 tháng chạp âm-lịch, tôi cùng ông bạn chung phòng không khỏi phải nghĩ đến chuyện đưa ông Táo. Thấy ông bạn băn khoăn ao-ước được về trong dịp này để sum họp với gia-đình, tôi cũng đồng ý, nên nghĩ ra bài thơ cảm-tác này :

*Trăng mới vừa đầy, trăng lại vơi,
Tính gần cuối tháng, Tết kề nơi.
Trót nằm nhà ngục đành yên phận,
Được tiễn ông Công hân sướng đời.
Kẻ chực ngày về trông mỗi mắt,
Người lo chuyện tới tức trào hơi.
Tội chi tiếc rẻ cho thêm một :
Canh bạc chưa tan, chưa lỗ lời.*

(6-2-1961)

Canh bạc này qua đến sau ngày biến cố 1-11-1963 mới tan !

Đã bao phen cùng ông bạn phê-bình thời-cuộc, tôi chẳng có cái cảm-tưởng rằng mình đã lắm. Nhưng thấy ông bạn vẫn thường băn-khoăn, mình không khỏi đâm ra hoài-nghi mình :

*Hết một ngày qua, lại một ngày,
Vấn cờ còn biết cách nào xoay ?
Ra quân những tưởng nhằm phương ấy,
Tính nước ai hay nghịch thế này..
Nuôi chí chỉ vì danh với nghĩa,
Nhọc thân chi sá rủi cùng may.
Phải chăng trời thử gan người sĩ ?
Trăm lửa nung rèn nghĩ cũng hay.*

(6-2-1961)

Thấy trong anh em có người dăm ra chán không còn muốn nghĩ đến chuyện đời ; đối với sự hưng phế, tồn vong của nước nhà, lộ vẻ thờ-ơ lạnh-đạm.— Tôi nghĩ bài cảm-tác sau đây :

*Ba lượt trăng đầy, trăng lại lờng,⁽¹⁾
Nỗi mình tự hỏi sợ hay mừng ?
Quyết tình chương mải điều ngay thật,
Dẫu nghi bùi lai giọng bắc tung.
Dầu-dãi phong sương chưa mấy chốc,
Xét soi nhật nguyệt có đôi vầng.
Góp công bồi đắp đã bao đời,
Mà nước hưng vong dăm dưng-dưng ?*

(8-2-1961)

- (1) Ngày bị bắt câu-lưu nhằm ngày 24 tháng 9 năm Kỷ-Hợi. Đã qua 3 lượt trăng tròn tháng mười, mười một và tháng chạp âm-lịch.

Ông bạn cùng tôi đã mấy phen ao-ước được về để đưa ông Táo mà chẳng được như ý muốn. Nay đã đến ngày 23 tháng chạp, thôi thì tôi tạm mượn ít vần thơ, gọi là lễ « vi-thiêng » để tiễn ông Công :

- I.— *Buổi tiễn ông Công đã đến nơi,
Cây lên trên ấy hỏi thăm Trời ;
Buồn thần bán thành không cần vốn,
Một nước sâu dân bán chán lời.
Nếu quả non tay ganh cũng đại,
Chẳng qua giữa miệng nói mà chơi.
Nhờ Ông cần-thận tình cho kỹ ;
Trời biểu làm tôi, khổ chết đời !*
- II.— *Thân đương giam hãm chốn lao lung,
Chút lễ vi-thiêng gọi tiễn Ông.
Quên mệt : thơ quên ngâm ít vắn.
Đỡ chồn : nước là hớp vài chung.
Xét mình sâu kiến dẫu màng lời,
Thương giống zềng liên găng zời cùng.
Trời nếu hững-hờ sông núi ấy,
Đệ mười năm nữa biết còn không !*

(9-2-1961)

Ngồi buồn tính thử lại thì từ bữa bị giam giữ đến nay đã được chín mươi ngày rồi ; thời-khắc xem dài dằng-dẵng, thế mà ngày giờ qua rất mau ! Tôi nghĩ ra bài cảm-tác sau đây :

*Thăm linh ngày qua đã chín mươi,
Nỗi riêng còn biết khóc hay cười ?
Sống còn vẩn nước nhìn lơ mắt,
Hèn dân thân mình nghĩ hờ người.
Nợ trả ba trăng không dứt vốn,
Tuổi kẻ sáu chục chưa ra người.
Nắng già để lại hồng vàng ủa,
Gặp trận mưa dầm hắt trở lại.*

(10-2-1961)

Trưa 29 tháng chạp âm-lịch, vì tháng thiếu nên coi như là trưa ba mươi Tết, sau khi ông bạn đồng phòng đã được thả về hồi hôm này, năm một mình nhìn cảnh Tết đến chợt nhớ đến cái cớ-lệ ông bà về buổi « Vào Khem », lòng những bùi-ngùi liên-tưởng tới các cuộc cúng-quải linh-đinh khi xưa trong dịp « rước ông bà ». — Tôi nghĩ ra bài thơ sau đây :

Còn đôi giờ nữa lại vào khem,
Lòng cũng như ai, há chẳng thèm.
Láng pháo êm ru, Xuân tịch-mịch,
Nhìn nêu vắng ngát, Tết lem-hem.
Ở ăn nào phải đây nhà cửa,
Đơm quải làm sao đó chả nem ?
Nằm thả hồn bay về chốn cũ,
Không men, không rượu vẫn say mềm.

(14-2-1961)

Tôi trừ-tịch, vì ông bạn cùng phòng đã ra về rồi, tôi chỉ ở một mình. Các ông bạn ở phòng bên kia sân, có lẽ thấy cảnh cô-dơn thương hại, nên xin phép rồi cho mời tôi sang bên ấy để cùng mấy anh dự lễ giao-thừa. Tôi nề lời và cũng cảm tình bạn, nên nhận lời sang bên ấy cùng vui với anh em. Nói thế cho êm tai, chứ trong lúc ăn uống, tôi xem người nào cũng cố vẻ vui gượng. Trong lúc ngồi ăn và chuyện-văn, tôi nghĩ ra bài thơ sau đây :

Cùng anh em họp buổi giao-thừa,
Mới cũ gọi là tục rước đưa.
Có bánh, có giò, thêm có rượu, (1)
Không nêu, không pháo, lại không đưa. (2)
Sướng như ngoài chợ sao cho được ?
Vui ở trong lao vậy cũng vừa.
Miếng chú, miếng ông, chia đủ cả ; (3)
Vẽ-vời chi lắm chẳng ai ưa.

(15-2-1961 : 1 giờ sáng)

- (1) Anh CHẤN cùng vài anh khác vừa được người nhà « tiếp-tế » đồ ăn Tết.
(2) Tết mà không có pháo, nêu cùng đưa hấu thì sao ra cảnh Tết ?
(3) Có mấy ông nhơn-viên cũng vui lòng dự lễ với chúng tôi. Lúc nào mấy ông phải « làm phận-sự » thì khác ; ngoài ra, giữa mấy ông với chúng tôi cũng thường có cuộc chuyện-văn đàm về thân tình.

*Dự lễ giao-thừa với anh em xong, tôi về phòng nằm thao-thức
mãi cho tới sáng, không ngủ được ; tôi nghĩ bài cảm-tác sau đây :*

Tóc đã hoa-râm, nét chưa thuần,
Xuân về, thăm nghĩ thẹn cùng Xuân.
Văn-minh lối mới còn ngu dốt,
Lễ-giáo nền xưa trót thắm nhuần.
Xe tiến-hóa lẫn, sao dám cản ?
Luật đào-thải diệt, nếu không tuân !
Theo đòi cũng muốn noi gương trẻ ;
Chợt nhớ giờ đây tuổi lục tuần.

(15 - 2 - 1961 : 5 giờ sáng)

Sáng mừng một, tôi buồn nên định nằm ỳ trong mừng không ra. Vì có ông lính gác mời sang uống trà ăn mứt — lúc này mấy ông đối với tôi rất nhã-nhận lễ-độ, ngoại trừ cái ông khi tôi mới đến gọi tôi là « thằng già » đó thôi, — tôi phải vịn lòng ngồi dậy ra đi. Mấy ông gác có nhã ý muốn nói chuyện với mình cho vui, và lại trà cũng ngon mà mình cũng thêm trà ngon đã lâu; thế mà trà uống vào, dường như nghẹn ngang cổ chẳng chịu xuống mới kỳ cho! Tôi vừa uống trà nói chuyện, vừa nghĩ ra bài thơ sau đây :

*Ủa ! hôm nay đã Tết rồi sao ?
Rồi trí quên Xuân đến lúc nào.
Không pháo, không nêu mừng trước ngõ,
Chẳng mai, chẳng cúc đón bên rào.
Ái ưu dương dờ, công thì mọn, ⁽¹⁾
Danh nghĩa chưa tròn, tuổi lại cao.
Xuân sẽ cùng ta về mấy lượt ?
Đôi ba phen nữa có là bao !*

(15 - 2 - 1961, 8 giờ sáng)

(1) Ái quốc ưu dân (Thương nước lo dân).

Vừa mới hồi nào dự lễ giao-thừa, chộp một cái đã tối mồng ba. Mọi người mong-mỏi vào cái « đại xá Tết » đều có vẻ thất-vọng chán-nản. — Nhìn mặt họ, tôi không dân được mối thương-tâm, rất tiếc không biết phương-pháp gì để làm cho họ mãn nguyện :

*Giờ này đã sắp cuối mồng ba,
Anh chị trong lao hết xuýt-xa.
Xuân xiếc gì đây, buồn quá nhỉ ?
Tết tung chi đó, khô thêm mà !
Trông trời thăm-thăm, người giam khám,
Nhìn cửa dăm-dăm, kẻ ở nhà.
Hỏi thử muốn chi, ta sẵn chúc ;
Họ rằng : « Tha-thiết ngóng ngày ra ! »*

(17 - 2 - 1961)

Đầu hôm tối mồng bốn, tôi ngồi trước sân nhìn trăng non, nghĩ ra bài thơ sau đây :

NHÌN TRĂNG NON CẢM-TÁC

*Bên trời lơ-lửng bóng trăng non,
Thấy vắng ngò tiêu.— Úa vẫn còn !
Sầu thắm chi đây màu úa nhạt ?
Nhớ thương ai đó vóc hao mòn ?
Cượng đẽ vị mặt, thơ nghèo húng,
Dầu uống, buồn tình rượu kém ngon.
Đã thế thì thôi ! Ta rán đợi ;
Hơn mười hôm nữa thường trăng tròn.*

(18 - 2 - 1961)

Trong vùng tôi bị giam, có một con chim vịt, hôm nào như hôm nào, kêu mãi từ sáng sớm đến tối mờ, rồi lắm khi từ đầu hôm đến sáng. Tiếng của nó kêu, nào-nùng ai-oén làm cho những người trong cảnh của tôi — như ông bạn mới được thả về chẳng hạn — bắt nhớ những đầu đầu, nhút là nó gọi trong trí của tôi bao nhiêu cảnh đồng quê làng vắng, chỗ mà khi tôi còn nhỏ tôi hay đến tìm những giờ tĩnh-mịch u-nhàn. — Một hôm, độ 5 giờ sáng, tôi ra ngồi ở ngoài cửa, nghe nó kêu, cảm xúc, nghĩ ra 2 bài thơ sau đây :

I.— *Xa đưa, chim vịt liêng cồ-dơn,
Rung động màn sương giọng oán hờn,
Hắn chúng khích-khiêu nên thét giận ?
Hay người hà-biếp phải van lơn ?
Lặng nghe như nhắc thân bay nháy,
Thăm nghĩ rồi quên nỗi thiệt hờn.
Chừ được trằm-ngâm nhìn cảnh cũ :
Dâu ao trong vắt ? Ruộng xanh dờn ?*

II.— *Dâu ao trong vắt ? Ruộng xanh dờn ?
Phong-vị đồng quê quyền tù hờn.
Lơ-lửng lửng không điều thời sáo,
Ro-te khe vắng nước tèo dờn.
Thuyền neo nâng gỏi con sông quanh,
Khách ngàn mưa dầm khúc lệ lơn.
Cảnh vật đêm khuya âu-yếm nhĩ :
Dầu dương nùng-nịu bóng trằm vờn !*

(19 - 2 - 1961)

Ngồi trong lao, nhiều khi ngoài ý muốn, mình thường hay đếm ngày, tính thử coi vào lao đã được bao lâu. Ấu đó cũng là một cách để « giết thời-giờ » ! Tính lại vào lao đã được một trăm hôm, tôi nghĩ ra bài thơ cảm-tác sau đây :

*Ngày bị giam lao linh đủ trăm,
Cùng ai so thử có bao lâu ! ⁽¹⁾
Chim lồng dám nghĩ mong bay nhay,
Cá thớt đành cam chịu khứa bằm.
Kiến mọn sâu hèn quên chẳng kể,
Nước nguy dân khổ nhớ mà căm. ⁽²⁾
Nợ dâu tang-tái chưa rồi tảnh.
Sao khỏi bần-khốn thẹn kiếp làm !*

(20 - 2 - 1961)

- (1) Nếu dám sánh mình với bao nhiêu nhà ái-quốc xưa nay đã từng vì nước mà phải chịu gian-lao thống-khổ, thì nỗi cực của tôi có thấm vào đâu, có đáng gì mà phải nói đến !
- (2) Cuộc đảo-chánh ngày 1-11-63 đã cỡi hết mối thâm-thù của tôi đối với kẻ đã thực-thi chế-độ độc-tài tàn-khốc ở xứ này.

Ở trong lao lâu ngày, trừ những lúc có việc bất thường đem lại một vài điểm thay đổi, còn thì ngày nào cũng giống như ngày nào, từ hồi sáng sớm mới thức dậy cho đến lúc đi ngủ ! Bữa nay xem giống hết bữa hôm qua, rồi ngày mai chắc hẳn cũng giống hết ngày hôm nay, cứ thế mãi mãi ! Lắm khi cảm thấy không bắt chán mà lại làm cho bất tức cười. Chẳng cười cũng ưỡng, vì vào đây mấy khi có dịp được cười ? Thế nên tôi nghĩ bài thơ cảm-tác sau đây :

*Dằng-dặc thời-gian, cảnh ở lao,
Hôm nào xem cũng giống hôm nào.
Ngày cơm hai bữa, ăn không thiếu, ⁽¹⁾
Đêm giấc năm giờ, ngủ chẳng bao. ⁽²⁾
Làm, nghỉ đúng phiên khi tầm giặt, ⁽³⁾
Thưa, thỉnh phải phép lúc ra vào. ⁽⁴⁾
Trẻ già anh chị ai như này :
Ngoan-ngoãn theo bề dễ dạy sao !*

(22 - 2 - 1961)

- (1) Đây không kể khúc bánh mì lót lòng sáng (1 ổ bánh mì 2 đồng bạc, cắt làm tư, mỗi người 1 phần).
- (2) Không phải nội lệ buộc mỗi đêm chỉ ngủ 5 giờ ; vì tánh tôi ít ngủ, thành thử mỗi đêm tôi chỉ ngủ tối đa là 5 giờ.
- (3) Trong lao tầm giặt phải tùy ngày tùy giờ, tùy phiên, vì số người đông ; thành ra tôn-trọng kỷ-luật và trật-tự là điều cần-thiết.
- (4) Mấy ông gác có trách-nhiệm lúc nào cũng phải biết coi những người bị câu-lưu còn đủ số hay không. Thành thử mấy người bị giam giữ mỗi khi bỏ phòng mình mà đi đâu, đâu là trên văn-phòng cho gọi đi nữa, cũng phải cho mấy ông gác hay ; đi đâu xong việc rồi về phòng mình, cũng thế.

Qua ngày 27-2-1961, trên văn-phòng cho lệnh đem lại hai người mới giam chung với tôi. Tôi tính luôn luôn rất dè-dặt, lại thêm chẳng hiểu vì sao tôi có ý nghĩ rằng 2 người này đã được sắp đặt để dòm ngó coi chừng tôi, chẳng mấy khi nói chuyện với họ.— Dầu sao chẳng nữa, nguồn thi trong lòng tôi từ đó đã tắt hẳn đi cho đến ngày tôi được thả ra về (7-4-1961).

SAIGON, ngày 29 tháng Sáu 1964

TRẦN VĂN HƯƠNG

*Cựu Giáo-sư Việt-văn
Trường Trung-học Mỹ-Tho*

BÓ HOA CUỐI MÙA

*Âm-thầm vun xới góc vườn xưa,
Xuân muộn còn đâu để lọc-lựa ;
Một nhật dăm chùm hoa cuối tiết,
Tàng-tiêu giấu giữ chút hương thừa.*

TRẦN VĂN HƯƠNG

Sài-gòn, D. L. ngày 11 tháng 7 năm 1961

I. — THƠ LÀM

Tháng 11 năm 1919, Chánh-phủ Pháp ở Đông-Dương ăn mừng lễ Đình-Chiến rất long-trọng. Năm ấy, tôi còn tòng học ở Mỹ-Tho, thấy người mình cũng nhôn-náo mừng lễ linh-dinh, thì sanh ra tủi thẹn buồn tức, làm bài thơ sau đây, cũng với cái giọng « ái-quốc » sáo, « anh-hùng » sáo vậy thôi !

*Dối danh nhân-nghĩa, dấy đao binh,
Áp bức nhân-dân, cướp nước mình.
Sáu tỉnh xương phơi nghe phát sợ,
Ba kỳ máu đỏ nhớ còn kinh.
Oán nhiều ơn ít sao rằng đức ?
Thuế nặng sưu cao há gọi tình !
Dám hỏi đồng-bào mười mấy triệu : ⁽¹⁾
Việc đà như thế nỡ làm thinh ?*

(1) Số dân Việt-Nam lúc bấy giờ không tới 15 triệu.

Năm 1920, tôi còn tòng học tại trường cao-dẳng tiểu-học Mỹ-Tho. Một bữa chúa-nhật, giám-thị dẫn học-sanh đi chơi phía vòng lớn ; có dịp, các anh H..., Th..., Ch..., Tr... v.v.. cùng tôi đồng đi viếng mộ của một quan lớn thời Pháp-thuộc tọa lạc vùng ấy. Tôi nhìn ngôi mộ, cảm-xúc, làm rồi ngâm bài thơ sau đây. Tuần sau, tôi đi ngang nhà cụ giáo NGUYỄN KHẮC HUỀ, giáo-sư Việt-văn trường tôi ; cụ kêu tôi vào, hỏi chuyện bài thơ ấy rồi bảo tôi chép cho cụ. Cụ xem xong, căn dặn tôi chớ nên đưa cho ai coi mà « gây thù gây oán » :

VIẾNG MỒ ÔNG...

Mồ ai xây cất đẹp muôn phần?

Hỏi rõ là mồ... đại nhân.

Đá găm chạm rồng, rồng uốn lộn,

Gạch hoa trò cảnh, cảnh xa gần.

Mặt bia rõ-rõ lời khen thế,

Nét mực rành-ràng giọt máu dân.

Khắc-bạc tham-tàn cho mấy nữa,

Cũng sanh quan-tước, tử công-thần !

Cũng trong năm ấy (1920), một hôm, trong giờ dạy của cụ NGUYỄN KHẮC HUỆ, bàn qua Việt-sử, nhắc đến chuyện Trưng Trắc và Trưng Nhị, tôi cảm-xúc làm bài thơ sau đây trình lên cụ xem :

*Phấn-son mà có chí tang-bồng,
Đem sức liễu-bồ gánh núi-sông.
Phất ngọn nghĩa-kỳ đèn nợ nước,
Dẫn đoàn mãnh-tướng trả thù chồng.
Tiết trung, mình giữ cho đành dạ,
Đắc thất, trời xui cũng mặc lòng.
Tuy chắc, trụ đồng nay đã ngã ;
Mà hai hình đá vũng như trồng.*

Cũng trong lúc ấy, tôi có việc buồn về anh em bạn, làm bài thơ sau đây, đưa lên cụ NGUYỄN KHẮC HUỆ xem :

Ngắm tình bằng hữu, nức buồn cười !
Tri-kỷ xưa nay dễ mấy người ?
Ước nợ, hẹn nhau đừng lời ước,
Lời kia, dòm lại đã quên lời.
Thịt-xương còn chẳng tròn sau trước,
Bè-bạn sao cho khỏi đổi dời.
Cũng đạo luân-thường, đâu có thể ?
Ông thông kim-cổ dạy giùm tôi.

Tháng 6 dl. năm 1921, anh PH. V. H. thi hỏng bằng thành. chung cao-dẳng tiểu-học Pháp-Việt. Thấy anh buồn nhiều nên tôi làm bướng bài thơ sau đây đưa anh, gọi là an-ủi anh phần nào. Đáng rắng bài thơ cũng hơi « sáo »; nhưng ghi vào đây gọi là kỷ-niệm, đánh dấu một lúc khi thiếu-thời.

AN-ỦI BẠN THI HỒNG

Cuộc thi nào phải một khi này,
Kim-cổ thường tình cái rủi may.
Số-mạng hết hồi đen đến đỏ,
Công-danh âu chẳng kịp thì chầy.
Bôn-chôn dẽ cái trời cho đặt ?
Ẩn-nhân mà chờ vận mới hay.
Sau trước, một đoàn, ghe cũng tới;
Trắng vơi há chẳng có khi đầy ?

Năm 1925, tôi còn học năm đệ nhị trường Cao-Dẳng Sư-Phạm Hà-Nội. Anh em các lớp và các trường, ngoài giờ học, hay tụ họp nhau lên mua các thức ăn uống của người lên bán sau nhà trường, rồi quây-quần nhau ăn uống.— Một bữa kia, tôi ngồi ăn phở như thế, thích quá ngâm 2 câu sau đây :

Buổi sớm cà-phê, trưa phở tái,
Ban chiều tào-xá, tối chè sen.

Ông bạn PH. TH. bắt liền, buộc phải làm cho hết bài. Tôi xin đề cho ăn hết tô phở rồi sẽ làm đủ 8 câu.— Ăn hết tô phở, tôi đọc bài thơ sau đây, đúng theo đề « ăn và chơi » mà anh PH. TH. đã buộc :

Cần chi hi thánh với hi hiền,
Ngày tháng ăn chơi thế cũng tiên.
Buổi sớm cà-phê, trưa phở tái,
Ban chiều tào-xá, tối chè sen.
Soi gương kim cổ ba con sách,
Kết bạn cô đơn một bóng đèn.
Lần-lữa cho qua rồi một kiếp,
Trối thân miệng thế tiếng chê khen.

Vào khoảng 1929, lúc còn dạy ở trường Trung-học Mỹ-Tho, một buổi chiều, đương ngồi giảng bài trong lớp, dòm ra sân thấy cảnh cuối năm; lá cây vàng úa, chạnh nhớ đến một người bạn vừa mới xa nhau hơn một năm, bất giác cảm-xúc, làm bài thơ ngũ ngôn này:

*Trong lớp đưa hơi mát,
Ngoài sân ngả bóng chiều.
Lá vàng chen nhánh bích,
Mây bạc ửng màu diều.
Trận gió hồi khoan nhặt,
Tiếng còi giọng thấp kiêu (cao).
Khách quen lòng chạnh nhớ,
Ai biết ít hay nhiều?*

Năm 1930, tại Mỹ-Tho, thành-lập một câu-lạc-bộ cho người Việt (công-chức, thân-hào, v.v...) Anh QU. D. TH. có nhà ý hiên một quyền sở lớn để anh em hội viên ai chụp được hình ảnh đẹp khéo đem đến cài vào đó làm kỷ-niệm, và Anh cũng mời anh em ai biết làm thơ thì cứ để ngay dưới bức ảnh mình vừa ý. Tôi thích 2 bức ảnh "Trời chiều" nên có để vào đó 2 bài, nay quên hết mấy câu.

CẢNH TRỜI CHIỀU TRÊN SÔNG

I.—
.

*Điù-hiù mặt nước con thuyền vắng,
Quạnh-quẽ lưng trời chiếc nhạn không.
Đưa-dẩy lòng quê lẫn sóng lượn,
Che trùm cội tục thức mây lồng.
Tà-dương cảnh khéo têu chi khách?
Cho kẻ say chờ, kẻ chạnh trông.*

II.— *Dưới-dưới vàng ô bóng sắp tàn,
Lờ-mờ phong-cảnh bến An-Giang.
Chơn trời chắt-ngắt mây xây núi,
Mặt nước lãn-lãn sóng nổi vàng.
Gợi khách, yên-bà chông lại chập,
Về người, bình-thuyền hiệp tối lan.*

.
.

Lối cuối thu năm 1935, đêm nọ tôi ngồi chơi nhà cụ Đốc-học NGUYỄN DUY TÂM rất khuya. Hôm đó nhằm ngày rằm, trăng rất sáng. Dương nói chuyện, cụ cùng tôi chợt nghe tiếng chuông chùa Vĩnh-Tràng từng hồi đưa sang. Cụ bảo : Cảnh đẹp đường này, chúng ta không làm thơ cũng ưỡng. Tôi xin cụ ra đề ; cụ trả lời : Thì đó, ĐÊM TRĂNG SÁNG NGHE TIẾNG CHUÔNG CHÙA. — Tôi làm xong, xin phép đọc cho cụ nghe ; nghe rồi, cụ bảo tôi chép cho cụ giữ làm kỷ-niệm. Hôm sau, cụ có gởi bài của cụ đã làm cho tôi xem. Tôi rất tiếc không còn nhớ bài của cụ, trạng-nhã lắm !

ĐẠ NGUYỆT VĂN CHUNG

*Đêm khuya ngoài viện bóng trăng mờ,
Vẳng-vẳng chuông chùa tiếng nện khơi.
Dầm-ẩm giọng kinh đưa tước gió,
Trong-veo gương thỏ chiếu bên trời.
Mùi thuyền zắp tỉnh người trong lục,
Về ngọc còn say khách dưới đời.
Mộng huyền biết đâu miền Bát-nhã ;
Cùng trăng thối cũng nhiễm trần chơi.*

Vào khoảng 1934, vì có chuyện buồn nên tôi có làm 2 bài thơ sau đây. Cũng muốn chôn nó luôn trong đáy lòng, nhưng thôi, ghi nó vào đây là có ý-dịnh giữ một kỷ-niệm, mặc dầu là một kỷ-niệm đau-dớn.

I. — Thói đời đen-bạc há chưa từng?
Còn khéo cưu chi cái giận mừng.
Nỗi nhớ tình thương? Câu chuyện cũ!
Dư đâu nước mắt khóc người dung!

II. — Vừa mới ngày nào, đã đủ năm,
Bồi-hồi chuyện cũ nghĩ còn căm.
Dặc-dài những tưởng bèn tơ nhện,
Tráo-chác đâu xui đứt ruột tằm.
Sao cội, da xưa chưa hết lá,
Mà con dò cũ chẳng còn tằm?
Ôm cầm gượng nói dây uyên lại,
Biết khúc đàn kia lựa có nhảm?

Năm 1936, lúc còn trú ngụ tại Bến-Tranh, thường hay luận thi văn với ông bạn T. V. KH. Một hôm, trong câu chuyện bàn về thân-thể của mình, tôi cảm hứng làm bài thơ sau đây :

TAM THẬP NGŨ TỰ THUẬT

*Ba mươi lăm tuổi cái thân ta,
Chẳng trẻ song le cũng chưa già.
Thoát tục khôn phen nguời bốn, bảy, ⁽¹⁾
Thích tình sẵn hợp bạn năm ba.
Luận đời sau trước vài câu chuyện,
Thường cảnh hôm mai mấy chén trà.
Ngất-ngờng Tiên ? Phàm ? Ai đã biết !
Trăm năm kỳ hạn nhẩm còn xa.*

(1) Bốn: Thương-sơn Tứ Hạo.— Bảy: Trúc-lâm Thất Hiền.

Tánh tôi thường thức khuya lắm, quen từ lúc nhỏ, tôi rất ít ngủ, nhút là những đêm trăng tốt thì lắm khi tôi thức đến sáng trắng. Hai bài thơ sau đây, tôi làm lúc còn ở Bến-Tranh (1936), bài trước tôi làm vào lối 2 giờ khuya, bài sau hồi lối 5 giờ sáng :

I.— *Đầu đường hé-hé mặt trăng dòm,
Ngoảnh lại tư bề cảnh tối om.
Lộ vắng người, phô màu tịch-mịch,
Cây giao nhành, rũ bóng lom-khom.
Để ngâm bụi rậm khoan khoan nhạt,
Trống điểm đồn xa cắc cắc tòm.
Trước mắt sẵn bày tranh Tọa-Hóa,
Thỏa lòng đứng ngắm lại ngồi nom.*

II.— (1)
*Tỏ mờ sao sáng lặn lai-rai. (2)
Giọng gà điểm bắc hơi đưa nhạt,
Gương thỏ trời tây bóng ngả dài.
Trại thú thung-thắng hồi trống sớm,
Nhà thuyền gióng-giã tiếng chuông mai.
Ai về nhắn hỏi Chương-đài khách :
Giấc mộng đêm xuân có miệt-mài ?*

(1) Câu đầu bài này tôi quên mất.

(2) Câu này vô tình lại trùng với một câu thơ tôi đã đọc trong truyện « Phong Thần » hồi còn nhỏ : « Tướng như sao sáng lặn lai-rai ». (Vua Trụ ngâm sau khi đánh với tướng Chầu, bị bại trận chạy về thành).

Đêm 23 tháng chạp (nhằm lối đầu tháng 2 năm 1937), lúc tôi còn ở Bến-Tranh thấy thiên-hạ đua nhau đưa ông Táo, mình cũng nồn-nao ; chính trong lòng tôi lúc ấy có lắm chuyện buồn nên sanh cảm, làm bài thơ sau đây tiễn ông Táo lấy lệ :

Đường-đột đôi lời cậy Táo-Quân,
Về châu Ngọc-Đế rán xin phân :
Hấm-hiu đường ấy, căn hay kiếp ?
Trang-trải bao lâu, nợ với nần ?
Đường lợi, đường danh theo vẫn rộn !
Chữ tình, chữ hiếu tính sao cân ?
Thân này đã vậy, thôi đành vậy !
Chớ để thân sau lại nhuộm trần

Nhơn bài thơ này, tôi chợt nhớ lại một bài thơ cảm-tác tôi đã làm trong dịp Tết trước đó lối gần hai mươi năm; tuy vụng-về, song cũng ghi vào đây, gọi là dấu-vết lúc còn nhỏ :

Pháo nổ ùng ùng. Kia ủa Tết !
Năm tàn lụi-đụi mà chưa biết.
Xây quanh mảng tường cửa nhà nghèo,
Rớt lại quên coi ngày tháng hết.
Áo lụa quần hàng mặc khách vui,
Niêu cơm nời thịt làm ta mệt.
Say sưa ngả-ngớn nợ ai cười,
Nghĩ nổi riêng mình thêm muốn chết !

Vào khoảng đầu năm 1941, một ông bạn trong giáo-giới, vì thời-cuộc năm 1940, nên bị dời lên tùng-sự tại Tây-Ninh, ở trọ nhà tôi. Giữa năm ấy, ông xin và được về hưu. Đêm chót, sáng ra ông về Vĩnh Long ở luôn dưới, ông cùng tôi thức nói chuyện rất khuya. Tôi có nghĩ ra bài thơ sau đây, đọc cho ông nghe, và ông có xin đọc cho ông chép đề làm kỷ-niệm:

Trút gánh tang-bồng đã thành-thời,
Mày râu trách-nhiệm cũng xong rồi.
Khói mây ngậm vịnh, quên mùi thố,
Ngày tháng tiêu-dao, hưởng tuổi trời.
Vườn cũ dầu vui thân ắn-dật,
Bể trần xin tưởng kẻ chơi-vơi.
Dưới trăng nghĩ chuyện bao năm trước,
Dở số công danh tính lỗ lời.

Tháng 10 năm 1945, quân-đội Pháp dưới Sài-Gòn sắp kéo lên Tây-Ninh ; tình-thế rất khẩn-trương. Một đêm kia, khi đương ngồi bàn việc với hai anh M. và R., nghĩ đến chỗ anh em vừa khuyên tạm lánh mặt đi rồi sẽ tính thế khác, trong lòng buồn thẹn vô-cùng, với kéo tờ giấy viết mấy câu sau đây đưa cho hai anh xem :

*Vẫn biết lúc xưa phải có vậy ;
Cờ đà tung nước, tình sao đây ?
Ngờ rằng chi lớn, trời còn tựa,
Hay nổi tài hèn, thế khó xoay.
Ở lại cho cam cùng bạn lúc,
Lánh đi cũng hờ với cao dày.
Thời thời ! Nghĩ lắm chi thêm bận ;
Dem cái tàn hồn phó nước mây.*

Sáng hôm sau, tôi vào dinh hành-chánh làm việc ; ông R. đến bàn chuyện, tôi viết mấy câu đây cho ông xem :

*Trời thay ai gọi bước đường cùng,
Rán trả cho rồi cái nợ chung.
Hóa vòn cờ thua, bày vòn khác ;
Lấy đâu thành bại luận anh-hùng.*

Vào khoảng đầu tháng 6 năm 1947, đã mấy lần anh em trong kháng-chiến cho người cầm thơ về thúc-giục tôi trở ra bưng cộng-tác. Về phương-diện lý-tưởng như danh-nghĩa, tôi không đồng ý với anh em nên đã lìa bưng mà về thành. Lăn chót hết, người đem thơ vật-nài tôi phải cho vài chữ đề cầm về phục lịnh. Tôi lật sau lưng bức thơ biên vào mấy hàng như thế này :

Nước nhà đương lúc biến,

Ai được phép ngồi coi.

Nhỏ lớn đều ra sức,

Dở hay cũng học đòi.

Tài sơ còn rón gượng,

Bịnh nghiệt phải dành thời.

Thân sống thừa, cam chịu,

Nhường tay thợ và trời.

Cũng trong lúc ấy, tôi ở trọ nơi nhà một người học-trò cũ ; ông bạn R. trước kia có cộng-tác cùng nhau trong phong-trào « Thanh-Niên Tiên-Phong » tại Tây-Ninh, có gởi cho hàng vài đề may quần áo, vài-sở lúc bấy giờ khó mua cho ra mà mình cũng không tiền. Người mang vài đến xin ít chữ đem về làm tin. Tôi lấy giấy, viết mấy câu sau đây :

*Măng tin em đã tạm yên nơi,
Nhơn tiện đây, xin nhắc ít lời.
Giáp mặt, chĩn e người cũ ngại,
Gợi tình, ầu dờ chuyện xưa chơi.
Mắt còn xuôi ngược thương bao kẻ,⁽¹⁾
Vui giặn mừng lo nhớ những hồi.
Ôm dỏ lời đây, xa-xắc mấy?
Tắc lòng sao để được đây vơi !*

- (1) Trước kia, 2 tiếng « Mắt còn » tôi đề là « Nỗi chìm » ; nhưng thấy « Nỗi chìm » và « Xuôi ngược » hơi đồng nghĩa nên tôi đổi lại là « Mắt còn » (vì trong số những người chạy theo tôi, có mấy người đã chết).

Lối cuối tháng 10 năm 1947, có cuộc tranh cử Thủ-Tướng Nam-Kỳ mà người thời bấy giờ gọi mỉa-mai là « Nam-Kỳ quốc ». Cuộc tranh-giành ấy cũng làm sôi-nổi dư-luận ít nhiều. — Buổi sáng nọ, trong bữa điềm-tâm, người học-trò nơi tôi ở trọ có đem vấn-đề ấy ra bàn. Tôi nghĩ rồi đọc bài thơ sau đây :

*Nực cười trâu cột ghét trâu ăn !
Đưa muốn đâm ỳ, đưa kéo giằng.
Bu miếng tanh hôi, ruồi lộn-xộn,
Giành phần áo mào, khi lãng-xăng.
Xét ra chỉ chết thằng dân đại,
Nói lắm không nao cái lũ xằng.
Bời số nước ta còn nặng nợ,
Trả xong cũng mặt kiếp cùng căn !*

Chiều ngày 10-10-1947, ông NG. V. S. bị ám-sát. Tối bữa sau, vì tình quen biết, tôi cùng đi với một anh bạn đến viếng tang. Lễ xong, chúng tôi khoanh tay đứng bên linh-sàng hồi lâu, sanh cảm-xúc nhiều, tôi nghĩ ngay 2 bài thơ sau đây:

I.— *Chống thực-dân, chống độc-tài!*

Một bề đã quyết, dám đơn sai.

Khen chê trời kệ rằng hay dở,

Phải quấy cần chi luận vắn dài.

Đau-dớn thương dân đương vận tối,

Vẻ-vang mong nước có ngày mai.

Ví dầu muốn biết công hay tội,

Độc sử sau này, lựa hỏi ai? ⁽¹⁾

II.— *Ấy mới gan, ấy mới tài! ⁽²⁾*

Con đường định vạch, mặc chông gai,

Thân này đành đã không trăm tuổi,

Hội ấy thôi thì đóng một vai.

Vui với giàu sang, vui cũng thẹn,

Thác vì nòi giống, thác bao nài.

Nghìn sau sách sử ghi câu chuyện, ⁽¹⁾

Công của ai? mà tội của ai?

(1) Khi tôi làm 2 bài thơ này, tôi vẫn còn tin-tưởng nơi lòng vô-tư của sử-gia, mặc dầu từ hồi còn thiếu thời tôi không bao giờ nhìn-nhận sử là một môn khoa-học.— Nhưng những chuyện thay đổi liên-miên trong sử các nước cũng như những lời phê-bình của một số lớn nhà viết sử từ hơn ba mươi năm sau này, đã làm cho tôi không còn tin nơi tánh-cách vô-tư của sử nữa.

(2) Câu này trong lúc cảm-xúc tôi lấy trong truyện « Thúy-Kiều » mà tôi không hay.

Lối cuối năm 1947, ông bạn N. V. PH. cùng một số anh em có cuộc vui chi đó nên bày tiệc đề cùng nhau hỉ hạ chời. Ông PH. có viết thơ mời đến dự tiệc và trong thơ ân-cần dặn-dò không cho từ-chối, buộc gắt là nếu từ-chối thì anh em sẽ cho mình là gì.. gì... Tôi gửi bài thơ sau đây xin kiểu :

*Được thơ mời dự tiệc,
Giờ mới tính làm sao ?
Lo nước không tài ấy,
Vui thân nở bụng nào.
Vì hư hèn nên thẹn,
Há bắc bực làm cao !
Chẳng nghĩ hờn, xin chịu,
Can chi phải đón rào !*

Vào khoảng 1947—1948, bơ và sữa là những món hàng rất ít có, chỉ có hạng người thân Pháp mới được lãnh « cật đỏ » (carte de rationnement) để mua với giá chánh-thức ; ngoài ra, ai hoặc có việc cần, hoặc thêm-thường quá thì cứ mua chợ đen mà dùng.

Lúc ấy, có một nhóm thanh-niên tổ-chức một buổi hát kịch, đề chế-nhạo hạng « người bơ sữa ». Tôi được mời đi xem. Lúc đang ngồi xem, tôi sanh hứng nghĩ ra 2 bài thơ sau đây, rồi nhơn dịp có một em quen ngồi kề bên, tôi đọc cậỵ nó chép liền kéo quên :

I.— Xúm nhau chế nhạo sữa và bơ,
Nghĩ lại mà coi họ thiệt khờ :
Rối nước phải đâu bơ với sữa ;
Sướng thân mới hẳn sữa cùng bơ.
Chợ đen hốt của nhờ bơ sữa,
Cật đỏ làm sang cậỵ sữa bơ.
Cụ Tổng châu xưa nên sự-nghiệp,
Chi vì ăn xới sữa và bơ. (1)

II.— Hề là người trí chớ phân-vân,
Bơ sữa đời nay món rất cần.
Sữa ngọt và ngon, đường khó sánh,
Bơ thơm lại béo, mỡ nào cân.
Kiêu căng làm phách nên trơ mép,
Chạy-chọt cho hay mới dạng phần.
Sao chẳng noi gương trang thức-giả ?
Chẳng vinh gia, cũng được phì thân.

(1) Trong thời ấy, có cụ Tổng-Trưởng Bộ Kinh-Tế hay Bộ Thương-Mại chi đó, chỉ nhờ được toàn quyền phân-phối các món hàng ít có như bơ sữa chẳng hạn, mà làm giàu lớn.

Lối năm 1950, tôi ở trọ nơi nhà một người học-trò cũ. Nhà sùng đạo Phật, nên thỉnh-thoảng trong nhà có những cuộc bàn-luận về tôn-chỉ Phật-giáo, cũng có khi hơi sôi-nổi. — Một hôm, ngoài ý muốn, — vì tôi không bao giờ tham-dự vào những cuộc bàn-luận ấy —, tôi chứng-kiến một cuộc cãi-vã rất sôi-nổi về PHẬT với TÂM. Tôi nghĩ ngay ra câu đối này :

« ĐẠO cứ hỏi nơi TÂM, đừng trai giới kệ kinh làm rộn PHẬT ;

« PHÚC lựa cầu với PHẬT, hãy khiêm từ nhiều nhẫn để yên TÂM »

Trước đó ít lâu, ông bạn PH. có xin câu đối đề thờ PHẬT. Tôi đọc cho 2 câu như thế này ; cổ nhiên là ông bạn không dám dùng :

Đạo ấy mấy ai tường gốc ngọn,

Ông này lắm chuyện rối người ta.

Một hôm, cũng vì cái tánh tự-kiêu của vài ông cư-sĩ đến nhà, tôi có nghĩ ra bài thơ sau đây :

Ta thấy người tu, ta cũng tu,

Cũng chuông, cũng mõ, cũng công-phu. ⁽¹⁾

Tháng ngày rau thịt, chay hòa mặn,

Hôm sớm kinh văn, sáng lẫn mù.

Chưa hẳn nhà thuyền hơn khách tục,

Chớ khoe mình trí để người ngu !

Và tu đâu phải chuyên hành xác :

Di-Lạc ngồi kia vẫn mập ù ?

(1) Dùng 2 câu phá thừa, tôi nhái 2 câu đầu bài thơ « Đi Thi » của ông TÚ XƯƠNG.

Năm 1952, Quốc-Trường bấy giờ vào Nam đề tấn phong ông NG. V. T. làm Thủ-Tướng.— Tôi đương nói chuyện với một ông bạn về việc ấy, ngẫu hứng đọc ra mấy câu sau đây ; nhưng nửa chừng hết tứ không thể làm nổi hết bài, nên đành bỏ dở thế!

*Cũng trò bái tướng, cũng đảng đàn ;
Phấn nước hương vua khéo rộn-ràng.
Trợn mắt nhe răng : ba chú khỉ !
Khua môi múa mỏ : mấy thằng hoang !*

.

Cũng năm ấy, một ông bạn người gốc tỉnh Mỹ-Tho có cậy tôi nghĩ giùm một đôi câu đối đề trước nghĩa-địa người gốc Mỹ-Tho chết và chôn ở Sài-Gòn.— Tôi nghĩ ra 2 câu sau đây—mà chắc hẳn là không được dùng - vì tôi ra điều-kiện là không cho đối một chữ nào:

*« Nén tàn hương nghi-ngút năm đất vàng, gió sớm
điu-hiu trời Bến-Nghé »*

*« Hồn cổ-quận dật-dờ chòm mây trắng, trăng khuya
bát-ngát nước Cồn-Rồng ».*

Tết năm mậu tuất (1958), tôi về ăn Tết ở Vĩnh-Long. Bỏ nhà ra đi từ tháng chạp 1946, vì thời-cuộc không cho tôi có cơ-hội về thăm nhà (trừ một buổi ngày mồng 2 Tết năm 1955), nên chỉ kỳ này tôi mới có dịp ở lại ít lâu.— Nhìn cảnh sao đời vật đổi, trong lòng sanh bao nhiêu nỗi vui thẹn tủi mừng.

Sau đây là 3 bài thơ tôi đã làm trong lúc ấy :

I.— XUÂN NHỰT QUI GIA CẢM TÁC

*Mười mấy năm dư nấu tỉnh người,
Xuân về, thôi cũng gượng về chơi.
Thôn gần quen lạ lao-xao trẻ,
Nhà thùng đầy thừa lổm-dổm trời.
Ngó ý mới hay ngẩn ấy mảnh,
Hoa lòng còn biết lúc nào tươi.
Mai già trước ngõ vui gì đó?
Chợp máy đông phong nở nụ cười?*

(17 - 2 - 1958)

II.— TRỪ-TỊCH CẢM TÁC

*Còn một đêm này lại hết năm,
Đời thay cũ mới có bao lần !
Tuổi già lần tính : trời chênh bóng,
Tin trẻ xa về : nhận bật tấm.
Pháo lảng giao-thừa, bon vó ký,
Thơ ngâm trừ-tịch, rồi tơ tằm.
Năm này qua hết, rồi năm nữa !
Ngóng buổi thanh-bình mới mắt đăm...*

(17 - 2 - 1958)

III.— XUÂN NHƯT CẢM TÁC

Pháo nổ vang rân : tạch tạch ùng !
Về xuân tràn ngập khắp non sông.
Thướt-tha trước ngõ lằn xiêm áo,
Chồng-chất trên mâm thức mọn nong.
Vui cuộc đỏ đen, tiền túi sẵn,
Thường mùi hồng tía, của trời chung.
Hơi dương đầm-ấm xuân chia đủ ;
Nỡ để riêng ta chịu lạnh-lòng !

(18 - 2 - 1958)

Tối đêm 12-3-1958, trời nóng bức, tôi bắc ghế nằm trước ngõ
hèm đề cầu chút hơi mát, chợt nghĩ đầu đầu; nghĩ nổi nước nhà, nghĩ
cho thân-thể, bất giác ngủi-ngủi thẹn tủi. Nhưng rồi lại tự nhủ, mà
cũng tự trào đề tìm cái vui sướng trong cảnh mình đối với đời. — Tôi
nghĩ ra 2 bài thơ sau đây:

I.— NGŨ THẬP THẤT TỰ NHỦ

Năm mươi bảy tuổi có bao lắm,
Còn bốn mươi ba mới đủ trăm.
Tóc dầu hoa-râm, răng vẫn cứng,
Lưng tuy đau thắt, nệm không nằm.
Chơi hoang chịu hằn thằng lạnh gối
Ăn vụng nhường cho chú móm cằm.
Trời dài tới đâu, vui tới đó,
Hơi nào lo nghĩ chuyện xa-xăm.

II.— NGŨ THẬP THẤT CẢM TÁC

Mới năm mươi bảy đã bao là?
Thiếu bốn mươi ba nữa lận mà!
Trí dầu kém suy, thân dầu mỏi,
Trời còn tươi sáng, đất còn xa.
Lóng câu nhân nghĩa tại chưa làng,
Dòm cảnh phiên ba mắt lại lừa.
Đời có phụ chi, đâu nở chán;
Thanh cao thì nguyệt, đẹp thì hoa.

Tháng tư 1958, trong dịp ra Huế, tôi có tìm thăm bà cụ thân sinh anh TÓN THẮT TRÍ, trước kia là thanh-niên cấp-cứu của Hội Hồng-Thập-Tự Việt-Nam, chết vì nghĩa-vụ trong trận lụt tại Huế năm 1953: vì anh TRÍ mấy lần lội ra xa để vớt những người bị nước cuốn đem đi, đến lúc quá kiệt sức, chính anh TRÍ lại làm mồi cho sóng dữ (23-9-1953). — Cụ Bà cùng tôi đi viếng mộ anh TRÍ đặt dưới chơn núi Ngự Bình. Bà đứng trước mộ, lâm-dâm khăn vái, nước mắt từ từ trào theo hai khoé mắt, chảy tràn xuống đến cằm. Thấy thế, tôi lấy làm đau khổ quá! Mùi lòng, tôi day mặt dòm ra ngoài xa, thì kìa là con sông Hương-Giang đương im-lìm phẳng-lặng; thấy vậy, ai còn có ý nghĩ rằng chính tại nó mới có cái cảnh đau khổ bày ra trước mắt tôi lúc bấy giờ? — Bồi-hồi cảm xúc, tôi nghĩ ra mấy vần thơ sau đây:

Viếng mộ hiệp-sĩ, chạnh niềm tây,
Gió tiếc mây buồn đượm cỏ cây.
Thập Đò trót treo danh nghĩa ấy,
Tuổi xanh đành đổi nghiệp nhân này.
Chuyện tuy mờ cũ, gương còn rặng.
Nước dầu lưng vơi, hận vẫn đầy.
Muốn hỏi sông non thành-tích trước:
Hương-Giang kìa đó, Ngự-Bình đây!

Tháng chạp 1959, tôi về Vĩnh-Long nằm dưỡng bệnh.

Bữa 28 Tết năm ấy (26-1-1960), tôi có gởi cho Sư-ông Trụ-trì chùa Long Khánh, chỗ quen thân, một câu đối ; nay chép lại đây gọi là giữ một kỷ-niệm vui vui :

« Sắc thể mà Không, khi đêm trường canh vắng
cảnh nghịch đường xa, khách phong-trần đã mời
gối chồn chơn, cơn uề-oải cũng mơ-màng cõi tịnh ;
« Không nhưng vẫn Sắc, buổi mây tạnh trời êm hoa
thơm trắng sáng, người thiên-giới dẫu kèm lòng
khóa trí, lúc sa-đà còn lưu-luyến mùi xuân » .⁽¹⁾

(1) Vì đoạn chót này, có người qui cho tôi cái tội biếm-nhê Sư-ông còn nặng lòng trần, say mê những chi chi. — Xin thưa : Thật tôi không có ác ý ấy. Sư-ông vốn người ít nhiều phong-nhã, thích cảnh thích hoa ; khi kệ kinh dề cho chút ít thời-giờ nhàn rồi, thì Sư-ông chăm-chú vào việc trồng hoa sửa kiềng và lấy đó làm vui dề quên hết mọi niềm trần. — Trong đoạn trên kia tôi muốn nói rằng : Trong đời sống hiện tại của Sư-ông, có lúc dề hết tâm trí vào việc trồng hoa sửa kiềng, lấy đó làm vui mà quên hết mọi chuyện gì khác.

Sa-đà (có khi cũng nói là « ta-đà ») : Dem tâm trí dôn hết vào chuyện mình mê thích đến nỗi quên hết tất cả mọi chuyện khác :

« Liễu gãy trắng lạnh sa-đà bấy nay » (Hoa-Tiên).

Xuân : Hoa hay kiềng trồng trong bồn, chậu, — mình thích vì hương sắc hay hình dáng nó :

« Nuôi tươi chậu chậu, cắm xuân cành cành » (Hoa-Tiên)

« Rút đường khúc kính, qua chòm tàn xuân » (Hoa-Tiên)

« Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà » (Thúy-Kiều)

Tuy nhiên, cái tội « giễu » Sư-ông cho vui, tôi không dám chối, vì chữ « xuân » trong câu đối có thể được hiểu hai nghĩa.

Nhơn dịp họa vận bài thơ « VỊNH NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU »
của ông BÚT TRÀ, tôi sanh cảm nên cũng vịnh một bài như sau đây :

Nước nhà chuyện rối từa bông-bong,
Dẫu tránh mà chưa thoát khỏi vòng.
Thân bỏ tuy chôn miền thảo dã,
Mắt mù vẫn ngắm cảnh hưng vong.
Nghiep ỵ sẵn nổi, đành yên phận,
Hạnh sĩ thăm ghi, dám đòi lòng.
Chết dờ sống thừa cam khóa miện,
Nhưng ngày tươi sáng luống chờ mong.

(5 - 6 - 1961)

Một đêm nọ tôi ngồi chơi trên bến Bạch-Đẳng. Canh khuya người vắng, cảnh lặng trời êm; trên không-trung, mây trắng chạy trên nền xanh làm cho trắng thoát mờ thoát tỏ; nhìn xuống sông, dòng nước lờ-dờ lằng-lặng trôi. Trong lòng tôi vẫn-vơ bao nhiêu nỗi tưởng nhớ băng-khuông, dường như khao-khát niềm thương nỗi tiếc. Tôi nghĩ ra bài thơ sau đây:

*Nào lạ chi đây cảnh đợi chờ !
Bực mình, muốn ngánh mặt làm ngờ.
Nhìn trắng cành trúc, trắng mờ-mệt,
Ngóng bạn làng văn, bạn hững-hờ.
Ngâm mãi thơ xưa, chưa thấy chán,
Tiếc gì chuyện cũ, vẫn thềm mơ ?
Đăm-đăm dòng bích : mây lồng nước ;
Mây nước cùng trôi, bóng lững-lờ.*

(tháng 11 - 1961)

Gần Tết, tôi có nhận được một tấm thiệp chúc Tết, trong có bức tranh họa một phong-cảnh điệu Trung-Hoa khá đẹp. — Tôi thích nên vịnh bài thơ sau đây :

THU SƠN HỒNG THỌ

Từng không trời bát-ngát,
Âm-đạm khí thu xâm ;
Gió lặng, dòng sông tạnh,
Mây vờn, bóng núi râm.
Cỏ già hoa trở thắm,
Thôn quạnh khách vui thàm.
Nương gậy sang cầu mộng
Ai kìa chẳng tiếng ngâm ?

(4 - 1 - 1962)

Tết đã đến ; nhìn lại cảnh nước nhà không khỏi ngậm-ngùi, nên có bài thơ cảm tác như sau đây :

NHÌN XUÂN NHÂM DẦN SANG, CẢM TÁC

TRÂU đi, danh dữ hầy còn bêu ;
CỘP bước chơn sang cũng lấm đều (điều) :
Tiếng súng « tảo-thanh » thay tiếng pháo, (1)
Cây cờ « giải-phóng » thế cây nêu. (2)
Con đường thân ái đang tay lấp,
Ngòi lửa oan cừu rán sức khêu
Vói hỏi Ông Xanh thông cảm chăng ?
Thằng dân vẫn cổ biết sao kêu !

(5 - 2 - 1962)

- (1) Vì vấn-đề an-ninh, nhà cầm quyền cấm đốt pháo trong mấy ngày Tết năm Nhâm Dần. Và lại mặc dầu Tết, vì Việt-minh vẫn tiếp tục khuấy rối, nên quân-đội Chánh-phủ phải phát ra những cuộc hành quân tảo-thanh.
- (2) Việt-minh cộng-sản mạng danh là « quân-đội giải-phóng miền Nam » đã ra lệnh cho nhơn dân trong nhiều vùng — nhứt là ở những vùng đồng quê rầy bái — không được ăn Tết năm nay.

Một hôm, ngồi ăn cơm với khách ở một hiệu cao-lâu Tàu. Trong bữa ăn, có những ông khách bàn nhiều đến vấn-đề duy-vật và duy-tâm. — Nhưn đó, tôi nghĩ ra bài thơ sau đây :

ĂN CƠM RỒI NÓI CHƯỞNG

Cơm rồi, nói chường chọc ai chơi,
Có giận thì cam, chớ nặng lời.
Thịt béo cá ngon, ăn phát ách.
Trà thơm bánh ngọt, ních mê tơi.
Sướng thân, quên kẻ đương đau khổ,
No bụng, xem đời rất sáng tươi.
« DUY VẬT ? DUY TÂM » ? — Sai bét hết !
« DUY BAO-TỬ » mới đúng mười mười.

(27 - 2 - 1963)

Mỗi bữa, trời vừa hừng sáng, có chị bán bánh mì đem bánh vào bán xóm tôi. Tiếng chị rao nó có vẻ mời-mọc quyến-rũ thế nào. Một hôm, tôi còn nằm trong mùng, nghe chị rao, tôi nghĩ ra bài thơ sau đây :

THAY LỜI CHỊ BÁN BÁNH MÌ

*Bánh mì ngọt lạt ! Bánh mì đây !
Trời bừng-tưng, rao bán xóm này.
Vừa lấy tại lò, xem nóng hổi,
Vội mang đến phố, bẻ giòn ngay.
Tiện bề ông chủ dùng khi sáng,
Đỡ nỗi anh phu bận suốt ngày.
Kìa bố bà con, ai đã thức :
Bánh mì ngọt lạt ! Bánh mì đây !*

(28 - 2 - 1963)

Một hôm, ngồi nói chuyện với một ông bạn. Ông bạn tỏ ý buồn và tiếc cho thân-thể của tôi.— Ông bạn ra về, tôi kéo bàn máy đánh bài thơ sau đây mà tôi đã nghĩ ra lúc ông bạn còn ngồi đó :

ĐI GIÀ THAN THÂN

*Khéo bẽ-bàng thay kiếp đi già !
Sắc tài đâu nữa quyến người ta ?
Tơ trùng nghiêng cạn, buồn sao thế !
Phấn mốc hương ôi, tủi lắm mà !
Tóc vuốt, trông gương sương đã nhuộm,
Tin chờ, nom trính nhện không sa. ⁽¹⁾
Canh tàn lặng ngắm trời xa thẳm :
Bát-ngát mông-lung bóng nguyệt tà.*

(24 - 5 - 1963)

(1) Sách xưa có nói : « Tri-thù báo hĩ » (Nhện sa báo tin vui mừng)

Ngày 27-9-1963, tôi có dịp về Vĩnh-Long thăm nhà. Đêm ngủ, sáng ra sân xem kiềng, thấy cây mai trước ngõ trổ mấy cành hoa. Hoa mai trổ nở tháng tám à! ầu cũng là chuyện kỳ — Cây mai này trước kia tôi săn-sóc nó nhiều; phải chăng nó trổ hoa để mừng tôi đi xa mấy năm, mới trở về. Nhìn hoa mai, tôi nghĩ ra bài thơ sau đây:

BÁT NGOẠT MAI KHAI

*Tháng tám sao mà mai trổ huê ?
Phải chăng mừng rước khách xa về ?
Dầu mưa thu thấm, hương còn ngát,
Chưa gió xuân vờn, sắc vẫn xuê.
Dòm nét phong sương, huê lảng-lặng,
Ngắm hình kiều diễm, khách đê-mê.
Nhìn nhau tuy chẳng lời thăm hỏi,
Thông cảm cùng chia mỗi nẻo-nề,*

(28 - 9 - 1963)

II.— THƠ HỌA

Năm 1920, một hôm vào lớp học, cụ NGUYỄN KHẮC HUẾ giảng bài thơ xưa « Bá Di, Thúc Tề », rồi phê-bình văn của thơ và tiết-thảo của hai nhơn-vật trong thơ. Bài thơ như vầy :

Danh chẳng tham, mà lợi chẳng mê,
Ấy gang hay sắt, hỡi Di, Tề ?
Gặp xe vua Võ tay cầm lại,
Thấy thóc nhà Châu mặt ngảnh đi
Cô-Trước hồn về sương mịt-mịt
Thú-Dương danh để đá tri-tri.
Cầu nhân thì đắc nhân mà chớ !
Chẳng oán ai, ai lại oán chi ?

Tôi họa ngay bài thơ ấy, đem lên trình cụ xem :

Dâu biển đổi đời, nữ chấp, mê !
Tội chi nhịn đói hỡi Di, Tề ?
Phải trào hôn chúa thôi đừng tiếc,
Gặp đáng minh quân há bỏ đi !
Vớ Võ theo nhân, theo đã phải,
Cùng Ân giữ nghĩa, giữ mà chi ?
Thú-Dương lạnh-lẻo hồn muôn thuở,
Nê cố, ai rằng bậc trí-tri ?

Cụ HUẾ xem rồi khen và lấy viết khuyên 2 câu luận ; cụ gạch đít câu chót, biên vào câu phê-bình này : « Trời đất ôi ! Tête de révolutionnaire ! ». — Xin lỗi vong-hồn cụ, từ ấy đến nay, tôi vẫn chưa làm « cách-mạng », và mặc dầu đã đến tuổi này tôi cũng chưa nghĩ đến chuyện làm « cách-mạng ».

Lối năm 1932, cụ NGUYỄN DUY TÂM có đưa cho xem bài thơ, bảo là của một cô vợ Tây, bị người ta trêu ghẹo, nên làm ra đề mắng người ấy. — Cụ mời tôi họa chơi cho vui. Thơ như thế này :

Cái giọng năm ba thiệp đã từng,
Trau-tria vẽ lá ghẹo hoa xuân.
Mỵa lòng gã Đổng, thôi thì chớ,
Phải-dạ chàng Trương, thiệp biểu đừng.
Vuốt vảy chọc rồng, khen lớn mặt,
Cáp non nháy biển, găm oan chùn.
Làm tỉnh chẳng nói cho rằng ngộ;
Nói lại thì mang tiếng sè sùng !

HỌA VẬN

Phong vị Tây, Đông đó dẫu từng,
Cành hoa cuối tiết há còn xuân !
Dựa hơi cửa thế may dầu vậy,
Lên giọng nhà sang tưởng cũng đừng.
Êm ấm mừng khi son vẽ mặt,
Xoay vắn e nổi nước kè chùn.
Dưới trần mấy kẻ quên căn bốn,
Là giống mang lông với đội sùng.

Cụ NGUYỄN DUY TÂM có đưa cho xem một bài thơ « Tự Thuật » của một cụ cao-niên quê ở Long-Xuyên và mời tôi họa chơi. Lúc ấy (1932) tôi cũng đang có chuyện buồn vì một người bạn thân đã thất-lộc, tuy đã mấy năm song lòng tôi vẫn chưa nguôi. Như dịp họa thơ, tôi mượn vấn đề nói tâm-sự.— Tôi quên mất bài thơ của ông cụ ở Long-Xuyên ; tôi họa 2 bài, song bây giờ chỉ còn nhớ có một :

NHỚ CỔ-NHƠN

 Gió lọt bông môn động cánh gài,
 Đề chừng những ngõ cổ-nhơn lai.
 Dòm song, ghẹo khách trăng hờ-hững,
 Khua ngõ, trêu người đế bẻ-bai.
 Cánh hạc một phen đi chẳng lại, (1)
 Tin hoa mấy độ thắm rồi phai.
 Trông vờ chón cũ trời man-mác,
 Biết lấm can tràng ngõ với ai ?

- (1) Có đứa cháu đọc câu này không hiểu, hỏi tôi muốn nói gì ? Tôi nhắc câu thơ « Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản » trong bài thơ « Hoàng hạc lâu » của THÔI HIỆU, thì nó hiểu liền.

Trong khoảng 1932-1933, tôi dạy về môn Việt-văn tại trường Trung-Học Mỹ-Tho. Tôi dạy cho mấy em năm thứ tư (tức là lớp đệ-tứ bây giờ) làm thơ đường luật. Có một vài em, hoặc đã biết sẵn, hoặc có khiếu thông-minh, tôi ra đề cho về nhà làm, rồi phiên học tới đem cho tôi xem.— Khi mấy em đem trình thơ đã làm, thấy có bài nào xuất-sắc, tôi cầu vui hạp lại liền đó. Hiện giờ tôi chỉ còn nhớ có 2 bài, tuy không mấy gì vừa ý, song cũng chép vào đây làm kỷ-niệm :

VINH NGƯỜI CHINH-PHỤ

Chàng vâng chiếu phụng thú biên-cương,
Đề hận riêng cho khách má hường.
Mặt phấn ngày chờ, tan vẻ ngọc,
Gió vàng đêm thổi, lạnh phòng hương.
Chiếu chẵn yên phận người khuê các,
Mưa gió thương thân kẻ chiến trường. ⁽¹⁾
Gặp gỡ hạp là trong giấc mộng,
Buổi về e nổi tóc pha sương. ⁽²⁾

KIỀU-LIÊN Ở CHÙA KIM-LĂNG

Bình lửa ầm-ầm dậy núi sông,
Phấn son đòi lại vẻ nâu sồng.
Đốt khô khô hải, cây đèn hạnh,
Lấp mắt trần ai, tiếng mõ thông.
Cảnh Bụt chưa khuây lòng nhớ mẹ,
Trăng thuyền thêm gọi nỗi thương chồng.
Cúi đầu khẩn trước tòa Tam-Bảo :
Cái hội tương-phùng biết có không ?

(1) Vì hấp-tấp, nên bị trùng-tự chữ « gió » mà không hay.

(2) Trước kia tôi đề là « ... mẩn như sương ». Nhưng sau thấy trong thơ nôm mà đề chữ Hán nhiều quá khó coi, nên tôi sửa lại là « ... tóc pha sương ».

Khoảng 1933-1934, cụ TÂM có đưa bài thơ «Ngũ Tử Tư Xuy Tiêu» của ông NGUYỄN LIÊN PHONG cho xem và rú họa. Chính cụ TÂM cũng đã họa rồi.— Rất tiếc là hiện giờ tôi không còn nhớ bài thơ ông PHONG cũng như tôi đã quên mất bài họa của cụ TÂM.

NGŨ TỬ TƯ XUY TIÊU (Họa vận)

*Cái thân chìm nổi phải theo chiều,
Giải tãm can tràng mấy tiếng tiêu.
Mười ngón máu tuôn hơi thắm-dạm,
Một xoang buồn gọi cảnh đìu-hiu.
Xót tình xương thịt lòng thêm nặng,
Nghĩ nỗi vua tôi hận vẫn nhiều.
Chừ đến thành Ngô, bài uất-khúc,
Trút bầu nhiệt huyết thử bao nhiêu ?*

Lối năm 1934, cụ TÂM có đưa cho xem một bài thơ « Khóc thê » mà tôi không nhớ là của ai, và bảo tôi họa chơi. Sẵn dịp có ông bạn cũng đứng trong cảnh trung niên tán ngẫu, tôi họa rồi gởi cho cụ TÂM một bản và cũng gởi cho ông bạn nói trên một bản. Tôi không còn nhớ bài xướng là thế nào.

VIẾNG BẠN CHẾT VỢ (Họa vận)

*Bình rơi trâm gãy tiếc giùm ai !
Đất nở vùi chôn bậc sắc tài.
Phảng-lặng bóng châu chìm thủy quốc,
Bơ-vơ hồn bướm lạc Dương-dài.
Nhìn tranh thăm tử tơ duyên trước,
Đập kính khôn tìm cốt cách mai.
Giấc mộng oan ương trời vội tỉnh !
Bình rơi trâm gãy tiếc giùm ai !*

Năm 1936, tôi di cư vào chợ Bến-Tranh. Anh bạn KH. có gửi một bài thơ gọi là món quà trong buổi sơ-giao. Để đáp tình anh, tôi có họa lại như sau đây ; còn bài thơ của anh tôi làm lạc mất hồi năm 1945, cũng như bao nhiêu sách vở, thơ từ, giấy tờ khác, và cũng không còn nhớ bài thơ của anh ra sao.

Khen chê đầu nhọc bụng lo-lường,
Hang thắm dầu ta giấu bật hương.
Thường cảnh sẵn bày tranh tạo-hóa,
Thích tình may gặp khách văn-chương.
Thấp cao trời kẻ chia đôi bậc,
Vàng đá âu ta kết một phường.
Luận cổ đàm kim, nuôi tiết tháo ;
Trọc, thanh mình biết, lựa ai tường.

Vào khoảng 1950, Chánh-phủ Pháp vì lý-do chánh-trị nên phóng thích cựu hoàng Thành-Thái và đưa trở về Việt-Nam, tạm trú nơi Vũng-Tàu (Au Cap). Cựu hoàng về tới quê xưa, cảm-xúc làm ra 2 bài thơ « Cầm-Hoài » như sau đây mà báo Phục-Hưng hồi ấy có đăng :

I.— Sống thừa đâu tưởng có hôm nay,
Nhìn thấy non sông đất nước này.
Sừng ngựa đâu quên câu chuyện cũ,
Ruột tằm thêm bận mối sầu tây.
Thành Xuân muôn dặm mây mờ-mịt,
Bể Cáp tư bề sóng bủa vây.
Tiếng súng đêm trường nghe nhặt thúc,
Đẽ ai sắt đá chẳng châu mày !

II.— Châu mày lụy ứa suốt canh thâu,
Đất tổ hồn thiêng, đâu ở đâu ?
Dưới một bầu trời chung Bách-Việt,
Trên hai cõi đất vạch Hồng-Câu.
Giá than trách kẻ lòng đen bạc,
Trùng đẽ thương ai kiếp dãi-dầu.
Mãi đứng núi này trông núi nọ,
Hỏi bao giờ bể hóa thành dầu ?

Thấy hai bài thơ cừu hoàng lời lẽ lâm-lý, tình cảm chan-chứa, tôi cũng xúc-động nên họa vận. Thơ cừu hoàng có vẻ cổ-diễn trang-nghiêm đài-các tôi, cũng rần làm theo lối ấy.

I.— Ba chục năm chờ mới có nay,
Cái mừng nào đổi cái mừng này ?
Tinh long chục thuở về đài bắc,
Hồ mã quên ngày hí gió tây.
Nên để non côi hùm sắp cật ?
Hay mong biển rộng ngạc giương vây ?
Phải chăng vận mới nhờ tay cũ,
Mà giống dân ta nở mặt mày ?

II.— Mày mặt nào cam chịu phục trâu,
Tình nhà, nổi nước ; trọng khinh đâu ?
Ấp gò may được trời gieo vận,
Đỡ vạc mong chờ khách thả câu.
Xót kẻ phơi xương cùng nát thịt,
Thương dân cạn mỡ với khô dầu.
Xem bầu nhiệt huyết còn chưa nguội,
Biển thẳm còn ngày hóa ruộng dâu..

Cuối năm 1955, ông bạn ĐỖ PHONG THUẦN có đưa cho xem bài thơ « Sáu Mươi Một Tự Thuật » làm trong một buổi tiệc mừng lễ lục tuần. Tôi làm lạc mất bài thơ. Qua năm 1956, trong dịp dọn nhà, soạn đồ-dạc, tôi tìm lại được, nhơn rảnh họa rồi gởi ông bạn xem.—
Tình-cảnh ông vui, còn hoàn-cảnh tôi lúc ấy đáng buồn quá.

SÁU MƯƠI MỐT TỰ THUẬT

*Khói lửa mười năm đã trải qua,
Đến tuần hoa-giáp vẫn quên già.
Hàm răng hưu-trí, xin làm lại,
Chòm tóc đình-công, chả mọc ra.
Mắt sáng còn trông thời biển chuyền,
Tuổi cao chưa kém sức xông pha.
Lập-trường chánh-trị không đòi đòi,
Quyền lợi ưu tiên, đất nước nhà. (Đ.P.T.)*

NĂM MƯƠI LĂM TUỔI TỰ THUẬT

*Trúc võ, thông gầy mấy độ qua,
Năm mươi lăm tuổi, nghĩ đâu già.
Phúc dân trót hồ không đem lại,
Trường học thôi đành phải bước ra. (1)
Dầy-dạn chiếc thân cho bụi lấm,
Thẹn-thùng mái tóc đề sương pha.
Nhấn ai chớ vội cười ta dở ;
Còn nước lo chi chẳng có nhà ! (2)*

(1) Nhận làm Đô-Trưởng Sài-Gòn, chưa đầy năm tháng, thấy mình bất tài, chẳng làm được gì giúp dân chúng bớt khổ nên từ chức.

(2) Nghỉ làm Đô-Trưởng ít lâu, có giấy đòi căn phố của Chánh-phủ cho ở khi làm việc, phải mau-mau trả lại dời đi chỗ khác.

Tháng 10 năm 1956, Bác-sĩ H. V. NH. đứng trong tình-trạng bất-
đắc-dĩ phải lãnh chức Giám-Đốc nhà Bảo-sanh Từ-Dũ. Cuối tháng tư năm
sau, mãn nhiệm-kỳ — Trong bữa tiệc tiễn-biệt, cô nữ hộ-sinh A. có tặng
Bác-sĩ bài thơ dưới đây:

TIỄN BÁC-SĨ H. V. NH.

*Viện Từ, từ được bóng dương soi,
Đời mới, ngày thêm vẻ thắm tươi.
Lựa chọn công, minh tài xứng vị,
Chăm lo cải, tiến cảnh theo thời.
Nhưng mong : tiện lối, chim hồng đậu,
Đã vội : quen đường, cánh phượng khơi.
Hoài mộ, há riêng người cộng sự,
Cảm tình toàn viện, bữa ly bôi.*

Tôi đã hiểu từ lâu tình-cảnh và tâm-chí của Bác-sĩ là thế nào,
nên thay lời Bác-sĩ họa vịnh như sau đây:

BÁC-SĨ TRẢ LỜI

*Gương từ, mừng khắp viện Từ soi,
Chồi héo rày may lại ướm tươi.
Gượng đứng cho toàn, âu đã thế,
Rồn ngồi chẳng tiện, vậy thôi thời...
Ý nhàn sẵn thích trời mây khói,
Bề hoạn đâu màng mái lộng khơi.
Cùng trót đáp thông đường luyện mộ,
Giữ gìn chớ để cỏ mờ bôi.*

Vào hạ tuần tháng chạp 1957, ông bạn NG. PH. H. có đưa cho xem bài thơ «Trách Trăng» của ông NGUYỄN TRUNG HẬU và mời họa:

TRÁCH TRĂNG

*Từng cao ngôi vị đã quang vinh,
Trăng hỡi ! sao trăng lắm bất bình ?
Chẳng tiện đông tây thìn một nết,
Lại quen tròn khuyết đòi bao hình.
Trên cung kẻ cắp làm cao mặt,
Đáy chậu niềm oan khó tỏ tình.
Dòm-dỡ non sông cơn vắng-vẻ,
Mơ mờ, tỏ tỏ giữa khung xanh.*

Đọc bài thơ, thấy trong ấy dường như có một cuộc tình-duyên bí ẩn chi đây. Tuy chẳng biết phải quấy về ai, song thấy trách nặng lời cũng thương tình, nên vì đối-phương trả lời:

*Chắc đâu rằng nhục, chắc đâu vinh,
Can-dự chi ai khéo bất bình !
Quen khắp xưa nay người mấy hội,
Soi cùng trời đất vật muôn hình.
Đứa gian lộ dạng nên cau mặt,
Kẻ tục thua hơi há thấu tình.
Mơ ? Tỏ ? Vội ? Đầy ? âu số kiếp,
Khách trần, dám hỏi mắt nào xanh ?*

Tết năm Kỷ Hợi (tháng Hai 1959), anh bạn H. V. NH. có được một ông bạn gửi cho một bài thơ « Xuân Cầm-Tác » như sau đây :

Chín chục ngày đông thoát đã qua,
Tin Xuân nô-nức khắp san hà.
Cỏ cây đất Việt đua mừng tuổi,
Gấm vóc trời Nam cố điểm hoa.
Đen bạc nhơn tình trò tráo chác,
Ngược xuôi thế sự cảnh chua ngoa.
Thuần giao nân chén vui Xuân mới,
Tình nghĩa đôi ta vẫn đượm đà. (H.H.NGH.)

Tôi cũng được quen biết ông NGH., nên câu vui tá gà Bác-sĩ NH. họa vận như thế này :

Mát mặt đông phong chợt thổi qua,
Cảnh Xuân như gợi cảnh yên hà (1)
Được vui tuổi trẻ bao lần Tết,
Mà phụ mai già mấy độ hoa ?
Cuộc thế từng xem cơn biến chuyển,
Tình đời há ngại thói điêu ngoa.
Lòng ta, ý bạn, cùng non nước,
Mỗi lượt Xuân sang, mỗi đậm đà.

(1) Đã hơn 12 năm, vì tình-thế, tôi phải bỏ gối ngồi ở Sài-Gòn, không đi đâu cả, cho đến quê nhà kia chẳng mấy khi có dịp về thăm.

Lối trung tuần tháng Ba 1958, một hôm có người đưa cho xem một bài thơ « Cây Tre », bảo tác-giả là một nữ học-sinh trường Trung-học Phan Thanh Giản (Phong-Dinh); người ấy lại nói thêm là trong bài thơ có nhiều vần chết (từ vận), thách tôi họa:

CÂY TRE

Mượn danh đối thế, chúng chê dè,
Quân-tử gì nà thứ giống tre!
Có mắt không trông, hay cọt-két,
Rụng chà trơ gốc, giỏi cò-ke.
Dụng làm than củi trong giây lát,
Đé lốt vạc giường chắc dử be!
Ngoài lớp xanh um, trong trống phọc,
Kêu cho rền lăm chẳng ai nghe.

Thơ không hay gì lắm-riêng về mặt kỹ-thuật, song vì bị khích là vận khó, tôi thử họa chơi. Vả lại cây tre cũng đáng được người biện-hộ cho nó:

Nài bao mưa đập với đông dè,
Giúp thế âm-thầm tội nghiệp tre.
Cành nhỏ chuốt cần câu lục-chốt, (1)
Cây già dẻo gậy đuổi chà-ke. (2)
Chọc trời trước gió, mây ngờ đón,
Ngăn nước trong vườn, đất cạy be.
Đỡ nắng che sương: phen giại đó;
Nhịp canh đêm vắng há không nghe?

(1) Lục-chốt: Loại cá nhỏ, hay ăn dơ, sông rạch trong Nam có nhiều.

(2) Chà-ke: Con chó (Tiếng người Cam-Bốt).

Tháng Tư 1959, tôi có dịp đọc bài thơ « Tào Tháo Tự Thuật » của ông cựu Thủ-Tướng NGUYỄN VĂN TÂM, biệt hiệu Trương-Duy Chánh-Đạo. Bài này đã được nhiều người họa, nhưng chẳng hiểu vô tình hay cố ý, các tác-giả của mấy bài họa lại quên cái đề « Tào Tháo Tự Thuật » nghĩa là những lời nói trong thơ phải được xem như lời toàn trong miệng Tào Tháo thốt ra ; trái lại, mấy ông chỉ « Vịnh Tào Tháo » nghĩa là phê-bình nhơn-vật ấy :

TÀO THÁO TỰ THUẬT

Đất nước cơ trời khiến rẽ ba,
Nghiêng vai nhóm thử gánh san hà.
Cáo cày chi sá Viên cùng Lữ,
Hào kiệt ai bì Bị với ta.
Dũng : dám vào dinh đâm Đổng tặc,
Nhân : đành mở cửa thả Quan gia.
Cười đời chê Tháo là tôi nịnh ;
Tôi nịnh như ông mấy mặt nà ! (NG. V. T.)

Trong bài thơ ông TÂM, Tào Tháo là một con người đặc chí, tự kiêu tự phụ, cho mình nhân, trí, dũng hơn người. Tôi xin nêu chỗ thiếu lý của mấy điểm đó : a) Tha Quan công là cái khéo trong chánh-trị chứ không phải là nhân ; — b) Tháo bị khích, nhận đi hành-thích Đổng Trác là thiếu trí ; — c) Bị túng thế làm liều, đâu phải là dũng — Tháo chắc hẳn biết rõ thế, nhưng dẫu Tháo có khoe-khoang đi nữa, mục-dịch chỉ dè lừa chúng chứ quyết không phải dè dối mình. Thế nên con người Tào Tháo của ông TÂM thiếu thành-thật.

Trong bài họa, tôi chỉ đưa ra một Tào Tháo thành-thật, dám ngang-nhiên nói trắng ý-tưởng của mình; tôi cũng xin nêu những cái đại-cương, chớ không vào trong chi-tiết.

*Khen chê sả kẻ giọng năm ba,
Nhắc đến Ông, ai chẳng hít-hà ?
Thế túng thà rằng ta phụ chúng,
Việc thành há để chúng lừa ta.
Nên hư vốn chỉ do thiên số,
Sông núi riêng gì của Hồn gia.
Ba chục năm thừa công dựng nghiệp,
Cờ về tay, cũng phất coi nà !*

Cuối tháng Tư 1960, ông bạn Bảo-Mỹ NGUYỄN VĂN KÍNH vì công sự phải trở ra Huế. Ông có gởi về cho 1 bài thơ « Cảm-Tác » như sau :

TÁI ĐÁO THẦN-KINH

*Chàng hẹn hò nhau lại tới nơi ;
Thuyền xưa bến cũ nhẹ chèo bơi.
Hương-giang sóng gợn, sông chào hỏi,
Ngự-linh mây bay, núi đón mời.
Bút nhuộm quan-hoài lời khấp mở,
Lòng mang thi-hú�ng tứ đầy vơi,
Nhấn ai tao-khách tình khăng-khít :
Rượu thánh thơ thần góp thữ chơi.*

Nề tình bạn, tôi họa lại chơi. Bất tình bị 2 câu thơ khôi-hài tôi đã được nghe lúc ra Huế hồi năm 1958, nó ám-ảnh :

*« Núi Ngự hết cây, chim đậu dất,
« Sông Hương vắng khách, đi kêu trời ».*

Thành thử trong lúc nghĩ họa thơ, trong trí tôi lảng-vãng hình ảnh một cô lái đò sông Hương, tuổi đã quá xuân mà đầu lại trọc, chợ trưa khách ế, thấy ông khách quen đi tới, mau mau vồn-và rước mời. Thế nên bài thơ tôi họa có vẻ hài-hước:

*Tái hội ngày đi chẳng hẹn nơi,
Thuyền xuôi dòng cũ lòng tay bơi.
Khách thưa, gặp mỗi sông mừng đón,
Đầu trọc, nhìn ai núi thẹn mời.
Trải mấy nắng sương xuân cũng nhạt,
Chứa bao trăng gió túi còn vơi.
Về đây muốn biết tình dày mỏng.
Dờ khúc đàn xưa dạo thử chơi.*

Tết năm 1955, ông ĐÔNG-HỒ, chủ-nhơn « Yiễm-Yiễm thơ-trang », có nhã ý gửi đến một bài thơ, có lẽ chẳng những để cho xem, mà còn mời họa thì phải. — Tuy bài thơ ông vô đề, song nghĩ ra đó là ông tả nét kiều-diễm của Nàng Thơ — mà là Nàng Thơ của Yiễm-Yiễm Thơ-Trang. Vì vô tình làm thất lạc, đến năm 1957, thừa-ura lục trong sách vở lại tìm thấy. Bài thơ như thế này :

Da ngọc ngà phô giấy nồn nường
Tóc huyền mun gọn mực yêu đương
Dịu thon lưng uốn đường sông núi
Trình bạch lòng pha chất tuyết sương
Xiêm áo phong phanh tà lụa ngỏ
Phấn hồng thoang thoảng bụi hương vương
Nàng thơ kiều diễm xuân kiều diễm
Chữ gấm lời hoa gửi bốn phương (1)

(1) Ông ĐÔNG-HỒ không đánh dấu chấm câu chi cả ; tôi đề y thế.

Ông ĐÔNG-HỒ xướng thơ tức là chiếm thượng phong ; bao nhiêu cái mỹ-miệu điểm-lệ của Nàng Thơ, ông đã tả ra hết ; lại thêm trong câu chuyện, ông đệm 2 lần « kiêu-diễm » thì tôi còn biết làm thế nào nói được đến Yiễm-Yiễm thơ-trang mà tránh khỏi đấu chơn của ông. Thôi thì đành chịu thua nhường đường cho ông, tránh qua một bên, chỉ nói cái công-nghiệp và tánh-tình của Nàng Thơ Đông Tây, và đáng-điệu Nàng Thơ với Xuân về :

Quyến khách thi văn chỉ một nường,
Phong tình kiêu diễm mấy ai đương.
Ý chịu kim cổ lòng mây khói,
Gót dạo Tây Đông dạo gió sương.
Vóc ngọc tuy cho mùi tục nhuộm,
Lòng băng chỉ để nghiệp trần vương.
Nưng cầm mừng đón Xuân minh mị,
Làn phím trông chờ bạn bốn phương.

Sau đó ít hôm, ông ĐÔNG-HỒ gửi lại cho 2 bài thơ : bài thứ nhất, cũng lấy vận cũ trên kia đề tả hình-dung một cô con gái Việt chất-phác thuần-hậu ; bài thứ nhì, cũng vận ấy, đề tả tâm-hồn Nàng Thơ (nhưng vẫn vô đề) :

Vọng mỹ nhơn hề thiên nhứt phương
Tơ tình xưa để mối nay vương
Thơ lai lảng khắp hồn kim cổ
Mực đậm đà thêm ý cỏ sương
Nhà ngọc mong treo vắn yểm tuyệt
Lạng vàng dấm đối giá tương đương
Ơn nhờ son phấn duyên tri kỷ
Cho một lần xuân một nồn nường

. * .

Họa đào năm vắn thơ Tết cũ
Còn đây muôn thuở ý xuân quen

Ông ĐÔNG-HỒ ác ý lấy câu đầu của một bài thơ trong Đường Thi; mình bối-rối vì ít đọc Đường Thi, không biết tìm đâu ra một câu có vần «phương» như thế ấy! Nhưng đã trót gây nên nợ thì đành phải trả chớ còn biết làm thế nào:

GỢI NÀNG THƠ

*Mai hoa điểm hể thanh thảo phương.
Tầm xuân lòng nặng mối tơ vương.
Trót đà lắm cột trắng cười gió,
Nên phải nhiều dây nắn dạn sương.
Lá thắm xuôi dòng duyên chưa thẹn,
Ngọc lành đáng giá độ còn đương.
Nhiễm trần cõi mộng ai là chẳng?
Tri-kỳ xưa nay mấy hỡi nường?*

* * *

*Giỡn thơ xuôi ngược năm văn cũ,
Gheo khách đi về một Tết quen.*

Cũng trong dịp Tết này, anh ĐỖ PHONG THUẦN có gửi lại cho xem một bài thơ của ông ĐỒNG-HỒ mời anh họa, cũng là đầu đề cũ, và anh cũng mời tôi cùng họa cho vui :

Tóc đen mắt nhánh mực nhung huyền
Mặt trắng lòng thơm giống phàm tiên
Phận mỏng chẳng nương theo cánh gió
Nghĩa dày khéo kết chặt tơ duyên
Soi nhờ ánh tuyết nền thanh bạch
Giấu kín danh sơn nếp thánh hiền
Thập thúy tầm phương mùa náo nức
Lầu thơ xuân khóa bóng thuyền quyên

Anh LONG GIANG (Đ. PH. TH.) họa vận trước như thế này :

Nhã-độ thanh cao tứ diệu huyền
Cành hoa đậm lợt bức hoa-tiên.
Nguồn xuân lai-láng hồn thơ mộng,
Bề thánh đầm-địa nợ chữ duyên.
Gấm chiếu thanh nang quà viễn khách,
Hương lồng đan tảo dẫu tiên hiền.
Bóng thiều ấm-áp mùa tươi đẹp,
Trời diệu thanh bình vắng tiếng quyên.

Thuở giờ tôi không quen lối thơ tả hình-trạng, nhứt là hình-dung người; mà đây lại là hình-dung người tưởng-tượng, thì cái khó lại càng khó thêm cho tôi. Thế nên đầu tôi có họa, cũng là làm một việc miễn-cưỡng vậy thôi.— Tôi cũng không thấy cần nói đến xuân, trong lúc người xướng như người họa đồng coi đó là một điểm phụ-thuộc (Thập thúy tâm phương..., Nguồn xuân..., Bóng thiêu..). Kỳ này Nàng Thơ của ông ĐÔNG-HỒ có cái đặc-sắc vì « nếp thánh hiền », thành thử trong bài họa tôi đưa ra 2 câu đầu chỉ cái đặc-tánh của Nàng Thơ đây, nửa tiên nửa thánh:

*Vườn Lãng, rừng Nho lẫm ảo huyền,
Nửa gò rặng Thánh, nửa rặng Tiên.
Mắt xanh buồn ngẫm phùng vô học,
Mặt trắng vui chờ bạn hữu duyên.⁽¹⁾
Trên thế thả hương trên khách nhā,
Trong thơ nếp bóng giấu danh hiền.⁽²⁾
Hỏi THI là MỘNG ? hay là MÁU ?
Lẳng thừ đêm trường tiếng đở quyền.*

- (1) Mặt trắng: Bạch diện thơ-sanh (anh học-trò chưa có danh phận).
(2) « Thơ trung hữu mỹ nữ »: Trong sách có con gái đẹp, nghĩa là nếu người học-trò căn-cù gắng công học tập, thì sau khi nên danh, có được vợ đẹp không phải là một chuyện khó.

Vào hạ tuần tháng chạp d.l. 1957, ông bạn NG. PH. HANH có đưa cho xem một bài thơ « Chiêu Phu » của bà MỘNG-HOA (TR. K. X.), một nhà thơ có tên tuổi trong làng thơ Đô Thành Sài-Gòn hiện giờ. Năm ấy, tuổi bà cũng trong ngoài sáu mươi, nên bài thơ « Chiêu Phu » này chẳng qua chỉ là một lối giỡn thơ vầy thôi :

Không tài, không sắc, lại không duyên,
Mà dám chiêu phu chọn khách hiền.
Kén cá lừa canh, không kén cửa,
So loan sánh phượng, chẳng so tiền.
Dáng người trang nhã gồm tài đức,
Bộ tướng hùng anh đủ tước quyền.
Độ tuổi ước chừng ông Lữ Vọng,
Mới đành trao đổi phận thuyền duyên.

Chỗ Bà đòi hỏi thật cũng nghiệt-ngã làm sao ! Đành rằng rán thì cũng được phần nào ; nhưng đến cái đêm tuổi tác phải xấp-xì ông KHƯƠNG THƯỢNG (ngày ông cưới vợ, ông đã 75 tuổi) thì đành chịu đi thôi ! Dầu sao chẳng nữa, đã được mời thôi thì cũng đèo-bồng coi ra thế nào :

Mưa đừng trách phận, chớ hờn duyên !
Chẳng phải hùng anh, cũng bạn hiền.
Lựa vận buổi trà dư tửu hậu,
So đây khi nguyệt hạ hoa tiền.
Đưa tin Dì Gió chưa chồn gối,
Kết chi Ông Tơ vốn đủ quyền.
Quạnh-quẽ chiều thu gầy bóng nhạt,
Chập-chờn ác xế giọi gành quyền. (1)

- (1) Anh bạn HANH, lúc tôi đưa bài thơ đề nhờ trao lại cho bà MỘNG-HOA, có hỏi tôi rằng « gành quyền » là gành gì ? Tôi tưởng anh muốn phá tôi chơi vì câu thơ trong truyện Thủy-Kiều « Trong sao châu nhỏ gành quyền » anh vẫn biết lắm, nên tôi trả lời trêu anh rằng : Gành quyền là gành có con đồ-quyên kêu ! « Quyên » là con sóng nhỏ hoặc con rạch thường chảy trong những vùng vắng-vẻ yên-tĩnh.

Lúc giao thơ cho anh bạn, thấy mình thiếu điều-kiện quá, rán làm bướng thêm một bài nữa gọi là đem lượng thay vào phẩm, may ra người xướng thơ có khoan-dung cho phần nào chẳng :

Lựa gì tài sắc mới là duyên,
Đáng mặt tri-âm, kết bạn hiền.
Đã trọng luân thường, nên trọng đức,
Không khinh hạnh phúc, chớ khinh tiền.
Chuyên nuôi tiết tháo, chuyên nuôi chí,
Chẳng thích vinh hoa, chẳng thích quyền.
Kén chọn vàng thau, đừng lán-thần.
Đem hồn hồ-diệp đổi mình quyền.

Vài hôm sau, anh bạn trở lại. Trong câu chuyện nói qua cuộc họa thơ, anh nói : Trong bài thơ trước, chú dùng chữ « tiền » mà không phải là tiền (« nguyệt hạ hoa tiền »), không sợ người ta trách sao ? Tôi cũng giả ngỗ, trả lời : « Thôi ! thì bây giờ tôi sẽ dùng chữ « quyền » mà không phải là quyền để bù thêm, chớ biết làm thế nào bây giờ ? — Tôi xin phép anh bạn, vào nhà nghĩ một chút ; tôi họa thêm một bài nữa, chép rồi đem ra đưa cho anh :

Hắn đâu lờ muộn, ép nài duyên !

Chi vị bán-khoản kén bạn hiền.

Chọn mặt gởi vàng may gặp khách, (1)

Mua trâu vẽ bóng ắt oan tiền.

Đã đành tìm ngọc nên mài đá.

Nhưng trót đời kinh phải dụng quyền.

Bát-ngát gành khuya vàng nguyệt xế !

Hè tàn mòn-mỏi ngóng ca quyền.

- (1) Trước kia, tôi đề « Chọn đá thử vàng », vì lật đặt nên không thấy trùng tự chữ « đá » (câu 3 và câu 5). Sau khi thấy được, tôi đổi lại là « Chọn mặt gởi vàng ».

Sau đó độ mười lăm hôm, trong một bữa cơm tối tại nhà anh Minh-Tài ĐẶNG VĂN KÝ, có mặt các ông ĐỖ PHONG THUẬN, BIỂN NGŨ NHI, NGUYỄN PHÚ HANH và 2 bà MỘNG-HOA, THƯỜNG-LẠC. — Cơm xong, đến cuộc bình thi, bình những bài thơ họa lại bài thơ « Chiêu Phu ». Chính bà MỘNG-HOA bình thi, nhưng chỉ bình những bài nào đã tới tay Bà, bằng mười câu lục bát. Xong cuộc bình thi, Bà dạy lại nói với tôi rằng vì bạn HANH đem thơ trễ, thành thử Bà không xem kỹ kịp đề bình buổi hôm nay ; dầu thế, Bà cũng trao cho tôi 2 bài thơ Bà đã làm sẵn, gọi là đề tạ lòng tôi :

GỬI NGƯỜI BẠN LẠ (1)

*Ba vần thơ họa cuộc « Chiêu Phu »,
Khiến tớ băng-khuâng chỗ tạc thù,
Mới biết đó đây không túc trái,
Cho hay sau trước đã tàn thu.
Lam-Điền ví trễ tay gieo ngọc,
Hiệp-Phổ còn toan sức vớt chu.
Bốn bề rộng giao vườn Không Mạnh.
Hoa thơm cỏ lạ mặc nhàn du.*

HỮU THI

*Xem chỗ thời-gian viết vận thơ,
Suy ra chậm-trễ đề ai chờ,
Lỗi này chỉ tại người đi sứ,
Xước họa mình đâu dám hăng-hờ.*

- (1) Bà dùng tiếng « bạn lạ », vì đây là lần đầu tiên tôi có dịp gặp và biết Bà.

Lần chót tôi trao thơ họa cho anh bạn HANH nhằm tối bữa 11-1-1958. Thơ Bà tặng tôi đề ngày 26-1-1958. Bữa cơm tối tại nhà anh bạn KÝ là ngày 29-1-1958. Thế thì bà MỘNG-HOA vẫn thừa ngày giờ để đọc kỹ mấy bài thơ tôi và nghĩ chuyện bình nó — Câu chuyện cũng hơi khó hiểu thật. Đầu sao, hai hôm sau, tôi họa xong gửi nhờ anh THUẦN trao giùm lại cho Bà:

ĐÁP LỜI NGƯỜI BẠN LÀ

*Hậu tình biết đáp thế nào phu ?
Bồng, Lãng ai hay lẫn Tú, Thù.
Tình giấc khôn tìm HOA giữa MỘNG,
Giải sầu gượng ngắm nguyệt ngoài thu.
Cảm lòng bỏ nệ soi nhà bạc,
Vâng ý quên hiềm ngó cửa chu.
Vịnh gió ngâm mây tiêu sái mãi,
Lần-lữa cho mãi kiếp phù-du.*

HỮU THI

*Được tặng thơ, đành nhận họa thơ,
Vụng hèn mắc phải tội chần-chờ ;
Cao minh nhờ lượng người tha thứ,
Tình thật nào ai dám đón hò.*

Từ ấy đến nay, không được tin chi của Bà. Có lẽ mặc dầu trong thơ tôi họa lời lẽ khiêm tốn và có vẻ hạ mình thật song chắc hẳn Bà cho câu thứ tư bài trên « xỏ-lá », Bà không thể dung được hay chẳng ? Nếu quả có thật vậy, âu đó cũng tánh trời không nén kíp ; thôi thì đành chịu vậy chứ còn biết làm sao !

Tôi vừa có dịp đọc tập thơ «*Nam Thu Hòa Khúc*» của ông NGUYỄN VỸ cho ra đề tặng các thi-hữu đã họa thơ ông. Bài ông xướng ra như thế này, và hạn vận «*VÀNG*» :

*Thu ơi, ai nhuộm lá thu VÀNG ?
Lá ngập trời-bời đến ải-quan !⁽¹⁾
Cây cỏ ngập ngùi sầu thế-hệ,
Nước-non vương vấn hận thời-gian.
Vườn thơ vắng bướm, hương tàn-tạ,
Cánh nhạn tung mây, gió phũ-phàng.
Ôi mảnh hồn trắng từ vạn kỷ,
Gieo chi đất bụi một màu tang !*

- (1) Chúng tôi cố-ý cho vần «*ang*» họa với vần «*an*», vì cùng một âm-thanh.

(NGUYỄN VỸ)

Đọc suốt tập thơ tất cả 104 bài, kể luôn bài xướng trên đây của ông NGUYỄN VỸ, tôi thấy một số lớn người họa thơ không đề ý đến thi đề. Nếu tôi hiểu chẳng lầm thì « Nam Thu » phải có nghĩa là mùa thu ở miền Nam (Nam-Kỳ) ; mà trong Nam này, tánh cách mùa thu không mấy rõ-rệt ; trời thường mưa liên-miên tầm-tã thành thử trăng mùa thu không mấy đêm được sáng ; khí trời thì vừa hơi mát vậy thôi nên trên cây cũng chưa có mấy cái lá vàng ; cúc mới vừa giâm hôm rằm tháng bảy, mới phát một ít chồi non, nên đầu đến cuối tháng chín âm-lịch cũng chưa bao giờ có cúc trở bông ; còn nói chi « chim nhạn », « cây ngô-đồng », nhứt là « tuyết » thì trong Nam này, trừ mấy người có dịp đi ra nước ngoài mà được thấy, thì còn ai biết đó là cái gì.— Dẫu sao, đọc bao nhiêu thơ không khỏi sanh hứng, tôi cũng nói điều một bài :

Tàn lục lư-thư điểm lá vàng,

Heo may hiu-hát giục thu sang.

Sương lồng trướng khói : mờ gương thò,

Gió vén rèm mây : chẳng bóng nhàn.

Khí mát xông thềm, hơi dế lạnh,

Mưa dầm trĩu nhánh, giọng thiên khan.

Bác, Nam kinh vĩ trời tuy khác,

Thu đến, sầu thu cũng ngập tràn.

Vào khoảng tháng 5, 6 năm 1961, có ông bạn đem bài thơ đến mời họa, mà không nói là của ai, chỉ bảo rằng theo lời ông ĐẠM-NHƯ nào đó trong báo « Bình Dân » thì đây là một bài đường thi kiệt tác, không tiền khoáng hậu, áp đảo tất cả thi-sĩ Việt-Nam xưa nay. Tôi tuy đã già mà chưa thuần nết, nghe khích nên họa lại. Sau rồi mới biết đó là thơ của ông BÚT-TRÀ:

VỊNH NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU

Sống thời khói lửa khắp non sông,
Chia xẻ cùng dân cảnh khổn cùng.
Tức, lộc không lay lòng chí-sĩ,
Nho, y nguyên giữ nếp gia phong.
Bao thằng qui trắng : bao quân cướp,
Một tấm gan vàng : một bút lông.
Ai bảo ông đui ? Ai mới sáng ?
Đui mà như thế ! Sáng bằng không ?

Bài tôi họa lại như thế này :

Thôi đành đặt xuống gánh non sông !
Sức mòn sao theo được đến cùng ?
Mắc nợ tang bồng danh chữa hổ,
Xua mỗi phú quý tiết còn phong.
Rủi may gan ấy bền hơn đá,
Sống chết thân này nhẹ tựa lông.
Mù mắt khôn nhìn trong sáu tỉnh,
Thử xem dân khí nhụt (lụt) hay không ?

Cũng như dịp này, tôi có một bài « Vịnh Nguyễn Đình Chiểu » ở phần trước (Thơ Lâm).

Ngày 4-12-1961, có người bào đệ đến thăm, đưa cho xem bài thơ « Nhạn Bi Sương » của ông NAM-QUANG, một thi-hữu ở Tây-Đô, gởi cho, có lẽ đề than cảnh tuổi đã về chiều mà hay bệnh hoạn :

NHẠN BI SƯƠNG

Trời khởi âm-u, tiết khởi hàn,
Bay về ngả cũ, Nhạn-môn-quan.
Mịt-mù mây án, than cho phận,
Lạnh lẽo sương gieo, rán với đàn.
Mỏi cánh xuyên rừng, rừng thăm-thẳm,
Vững lòng quá biển, biển mênh-mang.
Nhơn kia, nhứt nọ, thuần non nước, (1)
Xuân vãng, thu lai, tuế nguyệt tràng.

(Thu Tân Sửu 1961)

(1) Nhơn kia, nhứt nọ : Chim nhạn bay khi sắp hàng chữ nhơn, khi sắp hàng như chữ nhứt.

Lúc ấy tôi đang nằm bệnh ở nhà lại thêm đứng trong cảnh không vui; đọc bài thơ ấy và bài họa của em tôi, lòng cũng chạnh buồn cho thân-thể mình, nên họa bài sau đây:

*Trận gió đùa thu nặng khí hàn,
Dồn con chim nhạn đến biên quan.
Mưa chiều nắng sáng dành cho phận,
Bãi sớm gành khuya trọn với đàn.
Vượt biển băng rừng thân chưa chán,
Tắm sương gội tuyết kiếp còn mang.
Suốt đời xuôi ngược: âu là số!
Thông cảm may chăng khách đoạn tràng.*

(5.12-1961)

Ông bạn VƯƠNG HỒNG SẼN có đưa cho xem bài thơ sau đây của ông LÊ THÀNH LONG làm lúc ở Paris, và mời họa:

XE HƠI ĐẬU MÉ LỘ TRỜI ĐÊM BỊ TUYẾT ĐÓNG

*Đường xa ngàn dặm đã quen lâu,
Đêm ngóng trời đông lại bạc đầu.
Bảy ngựa sức dồn đôi cặp bánh,
Bốn vè tuyết kết mấy chòm râu.
Đen da ngoảnh lại hồi xuân trẻ,
Trắng tóc xa trông bóng nhạu râu.
Vùng-vẫy đường đời sao chẳng chán?
Thềm chi còn chực dưới chơn lâu?*

LÊ THÀNH LONG (Paris 5-3-1949)

HỌA VẬN

I.— Suốt đời xuôi ngược, khổ từng lâu,
Ven lộ nằm im, tuyết phủ đầu.
Giá nhót đường đi, xe nghỉ máy,
Lạnh dớn hơi thở, khách phờ râu.
Sương dầm bụi đóng, da hoen sạm,
Xóm lạ vùng quen, lợi tóm râu.
Gió rét đêm đông, dừng bánh tạm,
Há đâu chờ chực kẻ trên lâu !

II.— Xuôi ngược từng phen, khổ đã lâu,
Nếp mình ven lộ, tuyết che đầu.
Đường trơn, ủ-rũ xe ngừng máy,
Giá lạnh, bơ-phờ khách cụp râu.
Sớm chực khuya chờ khi buổi lỡ,
Mưa chan gió giật suốt ngày râu.
Trời đông đêm quạnh nên dừng bánh,
Há dễ vì ai đợi dưới lâu !

(14.12.1961)

Ông bạn V. H. SẼN đưa cho xem tập thơ « Hoa Trái Mùa » của ông TRẦN VĂN TẤN, xuất bản hồi năm 1934 (?).— Đọc bài thơ « Con Nhện-Nhện » thấy ngộ-ngộ, rồi đọc bài họa của ông LÊ THÀNH LONG cũng vui-vui, nên tôi họa chơi.

CON NHỆN-NHỆN

Tằm kéo tơ, nhện cũng kéo tơ,
Tằm làm ra kén, nhện không ngơ.
Thêu thùa nào thấy hình sô gấm ?
Đương đất sao ra mặt đó lơ !
Bắt cá, giữa nhà đem thả lưới,
Quào mèo, trên trính cũng đề thơ.
Vẽ bùa mà dọa đoàn ruồi muỗi,
Mất thánh che bằng mảnh vải thưa.

TRẦN VĂN TẤN (1934 ?)

HỌA VẬN

Cùng sánh vai tằm để kéo tơ,
Chen hàng giúp thế, nhện chưa ngơ :
Ngăn rào chặn vách, công đâu quản,
Bắt muỗi xua ong, mất chẳng lơ ;
Bùa lưới bên hè bao khít-rịt,
Buông mảnh trước gió rũ lơ-thơ.
Xét đường tác-dụng : ai phần nấy ;
Khéo vụng không màng, sá nhặt thưa !

(17-12-1961)

Một bữa kia, ông bạn Long-Giang ĐỖ PHONG THUẦN có đưa cho xem một bài thơ «Cảm Hoài» nói là của nhà «chí-sĩ NG.Đ.D.». Sau mới biết đó là thơ của ông NGUYỄN SĨ GIÁC cũng gọi là NGUYỄN SĨ XÁC, hiện còn mạnh giỏi. Đường như Ông cũng đã chịu nhiều gian khổ vì chuyện nước nhà, nhưn lúc buồn sanh cảm làm ra bài này :

CẢM HOÀI

Gương đàn nửa gánh muốn sang sông,
Hỏi bến : Thuyền không lái cũng không !
Xe muối nặng-nề thương vó kị,
Đường mây rộng-rãi tiếc chim hồng.
Vá trời lấp bể, người đâu vắng ?
Bán lợi mua danh, chợ vẫn đông !
Lần-lữa nắng mưa trong cuộc thế,
Cấm sào đợi nước thuở nào trong !

(Theo trong quyển «Chơi Chữ»
của LĂNG-NHÂN)

Một số thi-hữu tưởng bài thơ này thật của nhà « chí-sĩ » họ,
nên họa vận đã kích ông ta ; tôi cũng thế :

I.— Hèn vụng, toan khai núi lấp sông !
Chiêm-bao sự-nghiệp : có rồi không !
Tan tành lưới gió, hoài tơ nhện,
Diệu vợ đường mây, rã cánh hồng.
Mùi thế ngọt ngon, ai đã chán ?
Chợ đời giành giật, khách còn đông.
Nhấn lời xin hỏi người cao kiến :
Nào thuở Hoàng-Hà thấy nước trong ?

II.— Tủi nhục như vầy rửa mấy sông ?
Cơ-đồ gầy dựng, phút thành không !
Lòng này hổ gởi vàng trắng bạc,
Danh ấy đành buông ngọn lửa hồng.
Chí-sĩ cam thân vùi tuyết bắc, (1)
Anh-hùng thẹn mặt ngó người đông. (2)
Xét mình chẳng tiện theo gương trước :
Sống đục còn hơn chịu thác trong !

(26-12-1961)

Khi làm 2 bài họa này, tôi chẳng ngờ có cuộc biến-cổ 1-11-1963 ;
tình-cờ trong thơ có những câu đầy ý-nghĩa « khẩu-chiến » !

- (1) Tô Vĩ chẵn đề 19 năm ở đất Hung-Nô, không chịu hàng địch,
treo cao gương chí-sĩ.
- (2) Hạng Vĩ thua quân ở Cai-Hạ, chạy đến Ô-Giang. Thuyền-trưởng
mời xuống thuyền để đưa qua sông về Giang-Đông, hầu toan mưu
khôi-phục ; nhưng Hạng Vĩ nghĩ không còn mặt mũi nào dòm thấy
ông già bà lão cùng phụ-nữ đất Giang-Đông nữa (Hà diện mục
kiến Giang Đông phụ-lão?), vì con và chồng họ khi xưa theo mình
đã chết sạch hết rồi ; Vĩ tự vẫn chớ không chịu xuống thuyền
qua sông.

Cũng như bài thơ trên, ông bạn LONG-GIANG có gởi cho xem bài thơ « Phúng Thề » như sau đây :

PHÚNG THỀ

*Đường đời chen lấn, chợ đời đông,
Chác lợi mua danh mới phập-phồng.
Trách kẻ ham giàu bôi sử sách,
Phụ người công khó giúp non sông.
Con buôn gắp mối đeo như đĩa,
Thằng mòng no cơm hót tợ nhồng.
Ái quốc ưu dân là quảng-cáo,
Ngân-hàng ngoại quốc dầy đầy công⁽¹⁾*

LONG-GIANG (Tháng chạp 1961)

- (1) Công : Un compte de dépôt, un compte en banque (số tiền gửi ở ngân-hàng).

Tôi họa lại như thế này :

CHUYỆN TRỚ-TRÊU

*Trớ-trêu mặt ít lại ruồi đông !
Thăm nghĩ cười ai mũi sớm phồng !
Môi mỏng khoe lo dân với nước,
Mặt dày quên thẹn núi cùng sông.
Thấy lâu xốn mắt, lòng lang sói,
Nghe lắm rườm tai, giọng cưỡng nhờn. ⁽¹⁾
Tấp-tênh đua đàn trang « chí-sĩ » !
Muôn đời đề mãi tiếng thẳng công. ⁽²⁾*

(26-12-61)

- (1) Trong Nam dùng 2 tiếng : a) nhàm: nghĩa là nghe chán lắm, —
b) nhờm: nghĩa là nghe thấy gớm ghê lắm. — Chữ « rườm » ngoài
Bắc gồm hết 2 nghĩa ấy.
- (2) Un con (tiếng thô tục đề mắng mấy thằng ngu-ngốc vô liêm-sĩ). —
Ông bạn giả-ngộ dùng một tiếng Pháp làm văn thơ, nên tôi cũng
dùng một tiếng Pháp trùng-âm đề làm văn họa lại.

Hồi gần Tết nhâm dẩn, ông bạn NG. H. B. có đem cho xem một bài thơ của nữ-sĩ NGỌC-ANH ở Trúc-Lâm thi-xã cho đăng trên báo «Tiếng Dội Miền Nam» ngày 21-1-1962 đề bày tâm-sự và «mượn khách thi thơ giải hộ lời».— Thấy chuyện khôi-hài vui-vui, tôi cũng «hà-rúa» giải lời giùm cô.

PHÂN - VÂN

Đã một lần duyên, lại hồng rồi,
Bây giờ phải nữa, hoặc nên thôi ?
Trai tơ hơ-hớ thừa đùa bỡn,
Già sạm nhăn-nheo rộn tới lui.
Muốn chọn hai mươi, thương bạn trẻ,
E nhằm bảy chục, khổ thân tôi.
Phân-vân chưa biết làm sao tính,
Mượn khách thi thơ giải hộ lời.

Nữ-Sĩ NGỌC-ANH

HỌA VÂN

Đứt, nối đường tơ, chuyện cũ rồi.
Lòng xuân phơi-phới... tội gì thôi ?
Bóng trời dẫu xế, còn lo tới, ⁽¹⁾
Vành nguyệt vừa hao, há tính lui !
Cầu bạn ấp yêu, thừa khách lịch,
Cần người yên ủi, chỉ thẳng tôi.
Đôi mươi... bảy chục : bao nhiêu lứa ;
Thời mặc tình cân nhắc lỗ lời.

(3-2-1962)

- (1) Tôi lấy ý trong 2 câu : « Hồng phấn kỷ nhơn vì quả phụ ?
Bạch đầu nan lão Trác Văn Quân ».

Ngày 18-2-1962, bào đệ được giấy truyền-chuyên về Sài-Gòn, đến thăm và đưa cho xem bài thơ «Cảm-Tác» làm ngày hôm qua trong buổi cơm của anh em tiễn đưa. — Tôi họa vắn liền, đưa cho nó xem.

CẢM TÁC

Ở ở, đi đi, chuyện chẳng chờ,
Nỗi niềm lưu-luyến há thờ-ơ ?
Thành tâm phục-vụ, lòng chưa chán,
Quyết chí hy-sinh, dạ hết ngờ.
Chóng được tung rời bao quả cảm,
Không thua vượt biết mấy nguy cơ.
Phật Trời còn đó, còn dong ruổi ;
Hoàn lộ đâu mong cảnh rượu cờ.

LÂM VĂN GIỚI (17-2-1962)

HỌA VẠN

Trách-nhiệm kia, đây cũng vẫn chờ ;
Hay gì than thở giọng u ơ ?
Trăng tròn lại khuyết, hơi đâu giận,
Bạc được rồi thua, chuyện phải ngờ.
Lấp biển đời non đành kém sức,
Lo đời giúp chúng xét còn cơ.
Trời chiều, nước ngược ; buông sào đợi ;
Gió trời, dầu ai mở rộng cờ.

(18-2-1962)

Đọc quyền sách «Chơi Chữ» của ông LĂNG-NHÂN, thấy bài thơ thách họa sau đây của ông PHAN KHÔI đăng trong «Thực-Nghiệp Dân Báo» vào khoảng năm 1921.— Theo ông LĂNG-NHÂN, không có ai họa được vì thơ hạ mấy vần «mô», «bu» đều là vần khó.

VIẾNG MỘ ÔNG LÊ CHẤT

Bình Tây trấn Bắc sử nghìn thu
Ấy cỏ mờ rêu đất một u !
Ấy dưng ấy trung là thế thế
Mà ân mà nghĩa ở mô mô
Chim gào di-hận xuân âm ý
Hùm thét dư-oai gió vụt vù...
Câu chuyện anh hùng ai nhắc nữa
Hồ Tây vắng vắng tiếng chuông bu !

PHAN KHÔI

Bài thơ hay quá, âm điệu náo-nùng, lời văn như hờn như oán mà rất kín-đáo thâm-trầm. — Tôi đánh bạo họa lại chơi, nhưng vì không có cái dịp may đi viếng đặng mộ ông LÊ CHẮT, nên bài thơ của tôi chỉ là điệu ông LÊ CHẮT mà thôi :

ĐIỆU ÔNG LÊ CHẮT

Thân danh bách chiến được bao thu ?

Vùi nắm xương tàn chốn tịch u.

Đất Bắc vô dân, công nhớ đó,

Non Tây phá giặc, sử ghi mô ?

Tám gương trung liệt, sương bôi lợt,

Ngọn đuốc ân oai, gió thổi vù.

Làm vật hy-sinh phôi mặt tợ,

Để cho ruồi kiến mặc tình bu. (1)

(12-9-1962)

- (1) Vua Minh-Mạng lên ngôi được mấy năm, ông LÊ CHẮT mất. Sau khi dẹp xong cái loạn « giặc Khôi », vua xuống chiếu truyền cho đình thần nghị tội ông LÊ CHẮT một lượt với việc nghị tội ông LÊ VĂN DUYỆT. Đình thần vốn biết rõ mối cừu-hiềm giữa vua và hai ông CHẮT, DUYỆT (Hai ông đã tỏ ý không tán-thành khi vua Gia-Long bàn lập hoàng-tử ĐẮM — chính là vua Minh-Mạng lúc bấy giờ — ở ngôi trừ-nhị), nên muốn làm cho vừa ý vua, bèn nghị cho hai ông CHẮT và DUYỆT lúc còn tại chức đã phạm vào bao nhiêu tội đáng xử giảo, bao nhiêu tội đáng xử chém đầu, vãn vãn... Nhưng hai ông đã chết rồi còn làm sao mà xử giảo hay xử trảm ? Nên chỉ vua Minh-Mạng đành ban đặc ân, chỉ cho xiềng mả ông LÊ VĂN DUYỆT và san phẳng ngôi mả ông LÊ CHẮT mà thôi.

Một hôm đến chơi nhà anh Long-Giang, tôi được anh đưa cho xem bài thơ « Kép Dờ » của ông Tuấn-Lý. Thấy bài thơ ý thâm văn đẹp, lòng tôi đã nghĩ họa chơi.— Sau đó được mười hôm, trở lại chơi, anh Long-Giang đã cho đánh máy sẵn bài thơ ấy, có kèm theo hai bài họa của ông Nhị-Cường (Phủ QUÍ ?) và ông Tối-Đại-Cường (Long-Giang).— Lúc bấy giờ vì tình-thế khó nên hai ông chẳng tiện đề tên thiệt chẳng ?

KÉP DỜ

Sao đem thằng ngốc mặt mày ngu,
Bắt đóng vai vua, tức thấy ù ?
Đi đứng ngô-nghe : gà mắc rận,
Nói năng bập-bẹ : chó đương tru.
Ngai vàng được thể oai nhờ lọng,
Đức bạc e khi gió tết dù.
Giận bấy tuồng hay giao kép tẻ,
Ra về nhúc óc, mõi xương khu.

TUẤN-LÝ (19-12-1962)

Bài của ông Nhị-Cường cũng hay lắm :

Vai vua túng kép bắt thằng ngu,
Xấu tướng thì thôi, lại mặt ù.
Bụng lớn, cân đai mang xập-xệ,
Tiếng khàn, hát xướng khó trơn-tru.
Trong màn võ ngực, ta sành điệu,
Ra rập nhai râu, đũa nhày dù.
Không khéo rồi đây tan rã gánh,
Đũa quần rách ống, đũa lòi khu.

NHỊ-CUÔNG (22-12-1962)

Trong khi họa, tôi chia đề làm hai phần : « Kép Dờ » và « Kép Dờ Đóng Vai Vua ».

KÉP DỜ

Lúc cụp... Trời ôi, bị kép ngu,
Đứng sân-khẩu : cạc-cạc ù-ù !
Nhưống mây sữa đáng : hầu nhần-nhó,
Cất giọng làm oai : sói rống tru.
Chẽm-chệ với ai ngồi mục xác ?
Hót-hơ nào thuở chạy quăng dù.
Biết thân vô phút đi cho rảnh !
Gãy gẽ coi chừng té chổng khu.

(18-1-1963)

KÉP DỜ ĐÓNG VAI VUA

Thường đóng vai vua, lựa kép ngu,
Dầu hay dầu dờ cũng thây ù.
Phong nghi chủ nước : tuồng ngơ-ngác,
Hách dịch oai trời ; miệng tréo-tru. ⁽¹⁾
Tình thế trót đưa phùng lật-lọng,
Kính tôn uồng giữ lễ nghiêng dù.
Kịch tan màn rũ, đâu vào đấy ;
Khổ mấy mươi đời vẫn ở khu. ⁽²⁾

(18-1-1963)

- (1) Khi được thấy bài thơ ông Tuấn-Lý thì chưa có bài thơ ông Tỏi-Đại-Cường và tôi đã nghĩ dùng 3 tiếng « miệng tréo-tru » rồi trong bài họa. — Sau dầu thấy ông Tỏi-Đại-Cường dùng ba tiếng ấy trong thơ ông thì bài họa của tôi cũng đã nghĩ rồi, thành thử tôi vẫn giữ luôn.
- (2) Trong Nam có câu tục-ngữ: « Ba mươi đời, khổ cũng ở khu » đề chỉ cảnh mấy người hèn thấp, dầu may ra gặp cảnh thuận mà đắc chí một lúc, rồi rốt cuộc cũng trở lại địa-vị thấp hèn như trước.

Trước Tết quý mao, anh bạn Long-Giang có đưa cho xem bài thơ « Cầu Thiên-Lôi » của ông Tuân-Lý và bài của anh họa lại.

CẦU THIÊN-LÔI

Ông ở trên cao có thấy chẳng
U-mê bám chặt đám người hăng ?
Đứa tung hỏa tiễn tuồng vênh-váo,
Đứa hẹn thiên đàng điệu lố-lãng.
Quý-quyết vài chàng no tức bụng,
Lo-mơ một lũ đói nhả răng !
Lừa thầy phản bạn chuyên gây rối,
Đáp xuống đi ông ! Sốt mấy thằng ?
TUÂN-LÝ (13-12-1962)

Tôi thay Thiên-Lôi đề trả lời cho ông bạn :

THIÊN-LÔI TRẢ LỜI

Đã hỏi, nên Ông nói phải chẳng ;
Lành, bây lười lắm ! Ác, bây hăng !
Cảnh người thống khổ, sao hờ-hững ?
Thế nước khuynh nguy, vẫn lú-lãng !
Ăn dại, còn chưa lo ngậm miệng,
Học khôn, hẳn mới tính mần răng ?
Cõi trời ví phải ra oai sấm,
Thì sốt ai đâu, lựa những thằng...
(22-2-1963)

Đọc 2 câu chót, người ta có thể hiểu lầm rằng tôi khinh đời yếm thế lắm ! Tôi đâu dám vậy ; chẳng qua là tôi vô tình chịu ảnh-hưởng của Bác-sĩ RAYMOND trong bài thuyết-trình tại hội « Conférence » lỗi trước sáu năm 1930, bài mà ông mở đầu bằng câu này : « Le Monde est rempli de fous et de demi-fous », chứ chưa kể ảnh-hưởng bao nhiêu ý-tưởng yếm-thế của MOLIÈRE trong bản hài-kịch « Le Misanthrope »

Cũng hôm trước Tết ấy (21-1-1963), ông bạn Bảo-Mỹ NGUYỄN VĂN KÍNH có gửi tặng 2 bài thơ « Hồi-Hưu Cảm-Tác » như thế này :

I.— Biển hoạn con thuyền mới vượt qua,
Nhẹ-nhàng tới bến khỏi phong ba.
Anh-tài đã luyện miền Nam-bộ,
Sư-phạm từng đua xú Bắc-hà.
Ruộng sách lưu-truyền, gieo sắn hạt,
Vườn văn bồi bổ, nở thêm hoa.
Các Ty gặp gỡ bao trò cũ ;
Phần thưởng thanh cao lúc tuổi già.

II.— Tuổi già nghĩ lại kém chi ai ?
Sáu chục xuân qua, chỉ miệt-mài.
Sự-nghiệp trau giồi, sư vớí đệ,
Gia-đình tươi đẹp, gái như trai.
Đầu chưa bạc hẳn, nghề còn thạo,
Lưng có khòm đâu, sức vẫn dai,
Em út thường kiêng tay đánh vọt ;
Huỳnh-Trung lão tướng, chúng ghê tài !

NGUYỄN VĂN KÍNH (Sàigòn, 15-7-62)

Ông bạn được may hưởng cái cảnh «hồi-hưu»; còn mình thì biết cái phong-vị hồi-hưu ra sao mà nói. — Thôi thì nề tình bạn, mượn vần thơ nợ mà tả cái cảnh già hiên nay của mình:

LÃO NIÊN CẢM TÁC

I.— Vừa lúc nào đây mấy chuyện qua ;

Nếp mình sau cửa, lánh phiên-ba,

Hở môi chỉ ngại rằng than thở,

Nín mũi mà xem khói hít-hà.

Cười cợt gượng vui cùng tuế nguyệt,

Hư hèn nghĩ thẹn với niên hoa.

Nước bầu cơm giỏ, trời cho đủ,

Lần-lữa chịu theo cái cảnh già.

II.— Cảnh già giữ sạch nợ trần ai ;

Chí lớn nào đâu thuở giữa mài ?

Cột gió giỡn trắng sao trách lão ?

Đòi non lấp biển để nhường trai.

Chúng khinh ra mặt nên cười lột,

Ai kể chi mình khéo nói dai !

Khóa miệng bùng tai, quên thế sự ;

Mặc người đua sức với tranh tài.

(24-2-1963)

III.— THƠ DỊCH

Nếu họa thơ đã là một chuyện khó, thì dịch thơ đối với tôi lại là một chuyện khó hơn bội phần. Thế nên chẳng bao giờ tôi dám nghĩ đưa dân với các bậc dịch thơ tài tình như cụ HUỖNH THÚC KHÁNG hoặc ông NGUYỄN KHẮC HIẾU.— Nhưng nhiều khi đọc được những câu thơ hoặc bài thơ đường-luật mà mình thích quá, lại nảy ra ý định dịch ra lối đường-luật nôm hoặc lối lục-bát thử coi được chăng. Vì thế thành ra có những câu và bài thơ dịch sau đây :

Cố hương qui mộng, tam canh vũ,
Lữ xá hoài ngâm, tứ bách trùng.

Ba canh mưa đổ, mơ vườn cũ,
Bốn vách trùng ngâm, tủi xứ người.

CÂU ĐỐI THỜ CỤ THỦ-KHOA HUÂN

Đại sự nan thành, không uống bách niên chiêu vật nghị ;
Vi công bất tỵ, hưu tương nhứt tử báo quân ân.
Việc lớn khó thành, đâu nghĩ trăm năm che miệng thế ;
Công hèn trót hồng, dám rằng một thác trả ơn vua.

CÂU ĐỐI TREO TRONG NHÀ ÔNG BÁI ĐỆ (Bến-Tranh)

Thế sự bốn tuần hườn, nhiệm tha phú quý vương hầu,
tác ác tác gian, đáo để hoa khai vô kết quả ;
Thiên tâm chiêu báo ứng, tự cố anh hùng hào kiệt,
vi trung vi hiếu, chung tu nguyệt khuyết hữu viên thời.
Sự thế vốn vắn xây, dầu ai phú quý vương hầu,
làm ác làm gian, rốt lại bông đơm không trái đậu ;
Lòng trời luôn vay trả, từ trước anh hùng hào kiệt,
gìn trung gìn hiếu, rồi ra trăng khuyết có khi tròn.

ĐỘC TỌA KÍNH-ĐÌNH SAN

*Chúng điều cao phi tận,
Cô vân độc khứ nhân.
Tương khan lưỡng bất yếm,
Chỉ hữu Kính-đình san.*

(LÝ BẠCH)

NGỒI MỘT MÌNH Ở NÚI KÍNH-ĐÌNH

*Đàn sậu phăng-phăng lướt,
Chòm mây lảng-lặng trôi.
Nhìn nhau tình khó giải,
Có núi Kính-đình thôi.*

* * *

XUÂN HIỀU

*Xuân miên bất giác hiều,
Xứ xứ vấn đề điều ;
Dạ lai phong vũ thỉnh,
Hoa lạc tri đa thiều.*

(MẠNH HẠO NHIÊN)

MỘT BUỔI SÁNG MÙA XUÂN

*Giấc xuân chợt sáng chưa hay,
Lú-lo bốn phía vang-dầy tiếng chim ;
Ầm-ầm mưa gió khi đêm,
Ít nhiều hoa rụng đầy thềm tả-tơi.*

TƯƠNG TƯ

Nhơn đạo Tương-giang thâm,
Vị bình tương tư bán.
Tương-giang thâm hữu đề,
Tương tư vô biên ngạn.

Quân tại Tương-giang đầu,
Thiếp tại Tương-giang vĩ ;
Tương tư bất tương kiến,
Đồng ăm Tương-giang thủy.

NHỚ NHAU

Sông Tương người gọi rằng sâu,
So chưa bằng nửa cái cầu tương tư.
Sông sâu đáy vẫn sờ-sờ,
Tương tư ai biết bến bờ là đâu ?

Sông Tương chàng ở tận đầu ?
Cuối sông thiếp luống ngày thâu chốc mòng ;
Nhớ nhau mà mặt khôn trông,
Cùng nhau uống nước một dòng sông Tương

XUÂN TỬ

*Yên thảo như bích ti,
Tần tang đề lục chi;
Đương xuân hoài qui nhựt,
Chính thiếp đoạn trường thì.
Xuân phong bất tương thức,
Hà sự nhập la vi?*

(LÝ BẠCH)

CẢNH XUÂN GỢI TÌNH

*Cỏ Yên mướt thềm tơ xanh,
Dâu Tần bên bãi rữ cành lê-thê;
Bâng-khuâng chàng nghĩ ngày về,
Chính ra lúc thiếp tái-tê dạ sầu.
Gió xuân quen biết gì nhau,
Cớ sao đường-đột dám vào buồng ta?*

* * *

CẢM TÁC

Thảo trạch anh hùng tận,
Tư nhơn toại cầu đồ.
Khán thiên song nhãn bạch,
Lập địa nhứt chùy vô.
Hoạnh tử bi kiềm thủ,
Hư sinh nộ thu nhô.
Trịch đao thời cố nghệ,
Sát khí mãn giang hồ.

(PHAN KHÔI)

CẢM TÁC

Nhà cỏ anh hùng hết,
Hàng cây thỏa ý ông.
Trời, nhìn đôi mắt trắng,
Đất, cảm một giúi không
Chết đại buồn tay khóa,
Sống thừa giận sĩ nông.
Quăng đao ngó dáo-dác,
Khí uất ngập hồ sông.

TƯƠNG TƯ

Lâu thương tàn đắng bạn hiếu sương,
Độc miên nhờn khởi hợp hoan sàng.
Tương tư nhứt dạ tình đa thiếu ?
Hải giác thiên nhai vị thị trường

NHỚ NHAU

Nén nhật sương mờ lạnh gác mai,
Tình ra bên gối những mơ ai ;
Thâu đêm tưởng nhớ tình bao nả ?
Góc bể chơn mây chứa hân dài.

* * *

HOÀI THƯƠNG BIỆT CỐ-NHƠN

Dương-tử giang đầu, dương liễu xuân,
Dương hoa sầu sát độ giang nhờn ;
Số thanh phong dịch ly đình vãng,
Quân hướng Tiêu-Tương, ngã hướng Tần.

BIỆT BẠN CŨ TRÊN SÔNG HOÀI

Gành Dương-tử, liễu xuân tươi,
Hoa dương buồn chết dạ người sang sông.
Lầu xa tiếng địch nào nồng,
Anh trông trời Sở, tôi trông đất Tần.

TỔNG NGUYÊN NHỊ SỬ TÂY-AN

Vị-thành dạ vũ áp khinh trần,
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân ;
Khuyến quân cánh tận nhứt bôi tửu,
Tây xuất Dương-quan vô cố-nhơn.

(VƯƠNG DUY)

ĐƯA NGUYÊN NHỊ ĐI SỬ TÂY-AN

Mưa hôm thành Vị bụi êm,
Cụm dương quán trọ đầy thềm xanh tươi ;
Khuyên anh uống cạn chén mời,
Ài Dương ra đó ai người cố-nhơn !

* * *

XÍCH BÍCH HOÀI CỒ

Chiết kích trầm sa thiết vị tiêu,
Tự tương ma tẩy nhận tiền triều ;
Đông phong bất dữ Châu-lang tiện,
Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị Kiều.

(ĐỖ MỤC)

QUA SÔNG XÍCH-BÍCH NHỚ CHUYỆN XƯA

Kích gầy cát vùi sắt chứa tiêu,
Rửa chùi nhận thấy dấu tiền triều ;
Gió đông chẳng giúp Châu-lang thổi,
Đồng-tước dài, xuân khóa nhị Kiều.

PHONG-KIỀU DẠ BẠC

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô-Tô thành ngoại Hàn-sơn tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

(TRƯƠNG KẾ)

ĐÊM ĐỖ THUYỀN BẾN PHONG-KIỀU

Trăng lặn sương mù vắng tiếng nha,
Đèn ngư gành vắng gọi sầu ta.
Chùa Hàn đầu núi chuông khuya giống,
Ngân đội vang thuyền khách bến xa.

* * *

BIỆT ĐỒNG ĐẠI

Thập lý hoàng vân bạch nhật huân,
Bắc phong xuy nhận tuyết phân phân.
Mạc sầu tiền lộ vô tri-kỷ:
Thiên hạ hà nhơn bất thức quân?

(CAO THÍCH)

TIỀN BIỆT ĐỒNG ĐẠI

Mười dặm mây vàng dờ ác chênh.
Tuyết rơi gió bắc giục nhàn nhanh.
Đường dài chớ ngại không tri-kỷ:
Thiên hạ ai người chẳng hiểu anh?

TUYỆT CÚ

*Lưỡng cá hoàng oanh minh thúy liễu,
Nhứt hàng bạch lộ thướng thanh thiên :
Song hàm Tây-linh thiên thu tuyết,
Môn bạc Đông Ngô vạn lý thuyền.*

(ĐỖ PHỦ)*

TUYỆT CÚ

- I.— *Liễu lục, oanh vàng đôi chiếc hót,
Trời xanh, cò trắng một hàng xuyên ;
Vườn song Tây-linh nghìn thu tuyết,
Đổ cửa Đông Ngô vạn dặm thuyền.*
- II.— *Oanh vàng, liễu lục, đôi chim hót,
Cò trắng, trời xanh, một dãy xuyên ;
Tây-linh nghìn thu song ngậm tuyết,
Đông Ngô muôn dặm cửa neo thuyền.*
- III.— *Oanh vàng liễu lục đôi chim hót,
Cò trắng trời xanh một dãy giông ;
Muôn dặm Đông Ngô thuyền đổ cửa,
Nghìn thu Tây-linh tuyết dóm song.*

SƠN PHÒNG XUÂN SỰ

Lương viên nhứt mộ loạn phi nha,
Cực mục tiêu-điều tam lưỡng gia ;
Đình thụ bất tri nhơn khứ tận,
Xuân lai hoàn phát cự thời hoa.

(SÂM THAM)

CẢNH XUÂN CHỖN SƠN PHÒNG

Đêm xuống vườn Lương nhận bóng nha,
Điêu-hiêu hút mắt xóm đôi nhà.
Cây sân đâu biết ngườì đi hết,
Giữ lệ, xuân về vẫn trờ hoa.

• • •

PHÙ-DUNG LÂU TỔNG TÂN TIỆM

Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô,
Bình-minh tổng khách Sở sơn Cô ;
Lạc-Dương thân hữu như tương vấn :
— Nhứt phiến băng tâm tại ngọc hồ !

(VƯƠNG XƯƠNG LINH)

ĐƯA TÂN TIỆM TẠI LÂU PHÙ-DUNG

Mưa lạnh trùm sông tối đến Ngô,
Hùng-đông đưa khách dưới non Cô ;
Anh em thành Lạc bằng như hỏi :
— Một tấm lòng băng giấu ngọc hồ !

KHUÊ OÁN

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương thúy lâu.
Hốt kiến mạch đầu dương-liều sắc,
Hối dao phu tế mạch phong hầu.

(VƯƠNG XƯƠNG LINH)

LỜI THAN CỦA NGƯỜI KHUÊ-PHỤ

Cô nường buồn kín biết chi sầu,
Trang điểm ngày xuân bước đến lầu.
Ngỡ liễu xanh tươi, nhìn hối tiếc ;
Xui chi chàng đắm mộng phong hầu.

* * *

TỔNG LƯƠNG LỤC

Ba-lăng nhứt vọng Động-dinh thu,
Nhứt kiến cô phong thủy thượng phù.
Văn đạo thần tiên bất khả tiếp ;
Tâm tùy hồ thủy cộng du du.

(TRƯƠNG THUYẾT)

ĐƯA LƯƠNG LỤC

Thu đến Ba-lăng ngắm Động-dinh,
Non côi mặt nước nổi lên-dên.
Thần tiên nghe nói không sao gặp ;
Theo nước hồ trôi ý bập-bênh.

LƯƠNG-CHÂU TỪ

Hoàng-hà viễn thưởng bạch vân gian,
Nhứt phiến cô thành vạn nhận san ;
Khương địch hà tu oán dương-liễu ?
Xuân phong bất độ Ngọc-môn quan !

(VƯƠNG CHI HOÁN)

BÀI HÁT LƯƠNG-CHÂU

Xa hút sông Hoàng trắng lẫn mây,
Cheo-leo thành quạnh nhóm non vây ;
Sáo Khương sao khéo hờn dương-liễu ?
Ài Ngọc xuân về, gió vắng đây !

* * *

LƯƠNG-CHÂU TỪ

Bồ-đào mỹ tửu dạ-quang bôi,
Dục ẩm, tỳ-bà mã thượng thôi ;
Túy ngọa sa-trường quân mạc tiểu ;
Cố lai chinh chiến kỷ nươn hồi ?

(VƯƠNG HÂN)

BÀI HÁT LƯƠNG-CHÂU

I.— Chén rượu đào, dỏ tình mê,
Nghiêng hồ, đàn giục ngựa đem kè ;
Say nằm chiến địa, anh đừng ngạo :
Ra trận xưa nay mấy kẻ về ?

II.— Rượu đào chén ngọc, tiệt đề mê,
Rán uống, tỳ đầu thúc ngựa kè ;
Bãi cát say nằm, anh chớ ngạo :
Xưa nay chinh chiến mấy ai về ?

KHẮT-CÁI TƯƠNG TỬ NGÔN

Phù tính sinh lai thích giả lưu,
Thủ trì trúc trượng biến Thông-châu.
Phạn lam hướng hiếu nghinh tàn nguyệt,
Ca bản lâm phong xướng văn thu.
Lường cước đập phiên trần thế lộ,
Nhứt kiên đảm tậ cổ kim sầu.
Tự kim bất thọ ta lai thực,
Thôn khuyến hà tu phệ vị hưu ?

LỜI NGƯỜI ĂN-MÀY SẮP CHẾT

Vốn tính trời sanh thích ruồi đong,
Tay lê gậy trúc đạo châu Thông.
Túi thơ thu muộn hơi may thoảng,
Rá gạo trời khuya bóng nguyệt lòng. (1)
Nét bụi giang sơn đôi gót giẫm,
Mối sầu kim cổ một vai chùng.
Từ đây của chúng không màng lãnh,
Tiếng chó sao còn ỏi xóm trong ?

(1) Hai câu ba và tư tôi đảo ngược lại, câu trên xuống dưới, câu dưới lên trên.

KINH KHA NHẬP TÂN

*« Mã giác » đương niên hận vị bình,
Tiêu-tiêu Dịch-thủy tác bi minh.
Hiệp trường quán nhứt, hồng vô sắc,
Hạo khí hoành thu, kiếm hữu thanh.
Thác lạc cô hoài ca khắp ngoại,
Tầm thường nhứt nặc tử sinh khinh.
Khả liên lục quốc đa tài tuấn,
Bất cập đồ-cô xuất Kế-thành !*

(HOÀNG THÚC KHÁNG)

KINH KHA VÀO TÂN

*« Sừng ngựa » oan này hận đã lâu,
Ro-re bến Dịch nước reo sầu.
Nghĩa lòà ác tối, mờ hơi mống,
Giận động gươm khua, nhát sắt thu.
Chịu gởi, buồn vui lòng vẫn vưng,
Giữ lời, sống thác chỉ không câu. ⁽¹⁾
Khá thương sáu nước bao hào kiệt,
So với anh hùng dễ kịp đâu.*

- (1) Trước khi tôi đề « ... không nao » ; song thấy tiếng « nao » vận không được chỉnh, nên sửa lại là « câu ». Không câu : chẳng nại hà gì.

Bài này của cụ ĐỐC TÂM đưa cho tôi xem lúc tôi còn ở Mỹ-Tho, lối năm 1935-1936, và tôi dịch hồi đó. Đến lối năm 1953, tôi mới có dịp đọc quyển « *Thi Tú Tùng Thoại* » và mới được biết bài thi trên đây là của cụ HUỖNH THÚC KHÁNG. Trong quyển ấy, cụ HOÀNG cũng đã dịch bài này ra một bài đường-luật chữ nôm hay lắm

TINH TRUY NGŨ-TRƯƠNG-NGUYỄN

*Trường tinh tạc dạ truy tiền dinh,
Phó cáo tiên-sanh thử nhứt khuynh !
Hồ trướng bất văn thi hiệu lệnh,
Lân đài thùi phục trú huân danh ?
Không dư môn hạ tam thiên khách,
Cô phụ hung trung thập vạn binh.
Hào khán lục âm thanh trú lý,
Ư kim vô phục nhạ ca thanh.*

(ĐỖ PHỦ)

SAO SA Ở NGŨ-TRƯƠNG-NGUYỄN

*Đêm rồi sao sáng rụng ngoài dinh,
Điềm ứng về Ông quả chẳng lành !
Trướng hồ đâu người ra hiệu lệnh,
Đài lân ai kẻ chép huân danh ?
Rộn chen dưới cửa ba nghìn khách,
Riêng chứa bên hông chục vạn binh.
Ngày tạnh đìu-hiu nhìn bóng rợp,
Giờ đây khôn tưởng lắng ca thanh.*

Năm bài thơ « *Thiên Thai* » dưới đây là của TÀO ĐƯỜNG, trong tập *Đường Thi* của ông TRẦN TRỌNG KIM. Tôi đọc thích quá nên dịch ra đây, nhưng rất tiếc là kém sức học nên không lột được hết chỗ hay của mấy bài thơ chữ.

I. — LƯU THẦN, NGUYỄN TRIỆU DU THIÊN-THAI

*Thụ nhập Thiên-Thai thạch lộ tân,
Vân hòa thảo tĩnh quỳnh vô trần.
Yên hà bất tỉnh sinh tiền sự,
Thảo mộc không nghi mộng hậu thân.
Vãng vãng kê minh nham hạ nguyệt,
Thời thời khuyển phệ động trung xuân.
Bất tri thử địa qui hà xứ,
Tu tỵ Đào-nguyên vẫn chủ-nhơn.*

I — LƯU THẦN, NGUYỄN TRIỆU VÀO CHƠI ĐỘNG THIÊN-THAI

*Lộ đá cây xanh đến động thần,
Mây êm cỏ tạnh, bụi lằng-lằng.
Ráng mù gọi nhớ đời còn kiếp,
Rừng suối làm quên mộng có thân. (1)
Chơn núi thâu canh gà gáy nguyệt,
Cửa hang từng chập chó vỗ xuân.
Vào đây rồi sẽ đi đâu nữa ?
Phải tới nguồn Đào hỏi chủ-nhơn.*

(1) Muốn tránh trùng-lự, tôi đem « rừng suối » thế vào « cỏ cây ».

II.— LƯU, NGUYỄN ĐỘNG TRUNG NGỘ TIÊN NỮ

Thiên hòa thụ sắc ái thương thương,
Hà trọng lạp thâm lộ diêu mang.
Vân đậu mãn sơn vô diêu tước,
Thủy thanh duyên giản hữu sinh hoàng.
Bích sa động lý càn khôn biệt,
Hồng thụ chi biên nhật nguyệt trường.
Nguyện đắc hoa gian hữu. nhơn xuất,
Miễn linh tiên khuyến phệ Lưu lang.

II.— LƯU, NGUYỄN VÀO ĐỘNG GẶP CÁC NÀNG TIÊN

Trời êm cây lặng sắc xanh tươi,
Ráng phủ quanh co lộ dưới đồi.
Đầu núi mây đùn chim vắng bóng,
Lòng khe nước chảy nhạc đưa hơi.
Cát xanh trải động càn khôn lạ,
Ánh đỏ trùm cây nhật nguyệt dài.
Ngại nổi chó tiên vờ khách tục,
Rẽ hoa mong có chủ-nhơn mời (1)

(1) Hai câu chuyện kết, tôi đảo lộn, đem câu trên xuống dưới, câu dưới lên trên.

III.— TIÊN TỬ TỔNG LƯU, NGUYỄN XUẤT ĐỘNG

Ân-cần tương tống xuất Thiên-Thai,
Tiên cảnh na năng khước tái lai !
Vân dịch ký qui tu cưỡng ẩm,
Ngọc thơ vô sự mặc tàn khai.
Hoa lưu động khẩu ưng trường tại,
Thủy đảo nhờn gian định bất hồi.
Trù trưởng khô đầu tòng thử biệt,
Bích sơn minh nguyệt chiếu thương dài.

III.— CÁC NÀNG TIÊN ĐƯA LƯU, NGUYỄN RA KHỎI ĐỘNG

Đưa nhau ra núi Thiên-Thai,
Cõi tiên trở lại có ngày nữa thôi !
Chén hà gượng uống cho vui,
Sách tiên vô sự mượn coi làm gì.
Hoa xuôi cửa động trôi đi,
Xuống trần giọt nước còn về được đâu.
Đầu khe bịn-rịn già nhau,
Rêu xanh núi biếc giải màu trắng trong

IV.— TIÊN TỬ ĐỘNG TRUNG HOÀI LƯU, NGUYỄN

Bất tương tỉnh sắc lý Nghê-thường,
Trần mộng na tri hạc mộng trường.
Động lý hữu thiên xuân tịch tịch,
Nhơn gian vô lộ nguyệt man man.
Ngọc sa dao thảo duyên khê bích,
Lưu thủy đào hoa mẫn giản hương.
Hiếu lộ phong đăng dị linh lạc !
Thử sinh vô xứ vấn Lưu lang !

IV.— CÁC NÀNG TIÊN TRONG ĐỘNG NHỚ LƯU, NGUYỄN

Điệu Nghê-thường thoảng đã quên đâu,
Mộng thế, mộng tiên dễ sánh nhau.
Vào động có trời, xuân nhạt nhạt,
Xuống trần không lối, nguyệt dầu-dầu.
Cỏ thơm cát quý khe chổng-chất,
Nước chảy hoa trôi suối ngọt-ngào.
Đền gió, sương mai : lâu mấy nổi !
Kiếp này không xứ hỏi chàng Lưu !

V. — LƯU, NGUYỄN TÁI ĐÁO THIÊN-THAI, BẮT PHỤC KIẾN TIÊN TỬ.

*Tái đảo Thiên-Thai phóng ngọc chân,
Thương dài bạch thạch dĩ thành trần.
Sanh ca tịch-mịch, nhàn thâm động,
Vân hạc tiêu-diêu, tuyết cự lân.
Thảo thụ tổng phi tiền độ sắc,
Yên hà bất tự vãng niên xuân.
Đào hoa lưu thủy y nhiên tại,
Bất kiến đương thời khuyến tửu nhơn !*

V. — LƯU, NGUYỄN TRỖI LẠI NÚI THIÊN-THAI
KHÔNG GẶP CÁC NÀNG TIÊN

*Trở lại Thiên-Thai, vẽ ngọc mơ,
Rêu xanh đá trắng bụi phong mờ.
Điêu-hiêu xóm cũ hình mây hạc,
Lặng-lẽ hang thần tiếng trúc tơ. (1)
Cây cỏ phải đâu trời buổi nọ,
Khói mây khác hẳn cảnh xuân xưa.
Hoa đào nước chảy còn như trước,
Mời rượu, người quen chẳng thấy chờ !*

(1) Hai câu 3 và 4, tôi đảo ngược lại, đem câu trên xuống dưới và câu dưới lên trên.

TỪ THỨC NHẬP TIÊN ĐỘNG

*Thiên chương bích thụ quải triêu đông.
Hoa thảo nghinh nhơn nhập động môn.
Bàng giản dĩ vô tăng thái được.
Lâm lưu thặng hữu khách tầm nguyên.
Lữ du tư vị cầm tam lộg.
Ngư đỉnh sanh nhai tửu nhứt tôn.
Nghĩ hướng Vũ Lăng ngư-phủ vấn :
Tiền lai viễn cận thực Đào-thôn ?*

TỪ THỨC VÀO ĐỘNG TIÊN

I.— Động mai cây lục đờ vằng ô,
Hoa cỏ chờ người đón rước vô.
Hái thuốc, bên khe sự vắng bóng.
Tìm nguồn, khắp suối khách chen dò.
Đưa mơ, quán trọ cầm ba khúc,
Vui sống, thuyền câu rượu một hồ.
Ngỏn lại Vũ Lăng xin dám hỏi :
Đào-thôn ước mấy độ quanh co ?

II.— Động mai cây lục đờ ô vàng.
Hoa cỏ đường chờ rước khách sang.
Hái thuốc, quanh khe sự vắng bóng,
Tìm nguồn, khắp suối khách vầy đoàn.
Thuyền câu vui sống đôi hồ rượu,
Quán trọ đưa mơ mấy khúc đàn. ⁽¹⁾
Đây đến đào-thôn xa mấy độ ?
Vũ Lăng ước gặp, hỏi thăm đàng. ⁽²⁾

(1) Hai câu 5 và 6, tôi đảo lộn, đem câu trên xuống dưới, câu dưới lên trên.

(2) Hai câu 7 và 8, tôi cũng làm như thế.

THU HỨNG

Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm,
Vu-sơn, vu giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhứt hệ cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch-đế thành cao cấp mộ châm.

(ĐỖ PHỦ)

CẢM XÚC VÌ THU

I. — Xơ-xác rừng phong mọc phủ dày,
Non Vu, đánh Giáp lộng heo may.
Lòng sông sóng cuộn, trời chen nước,
Đầu ải đông đùa, đất vịn mây.
Cúc nở đôi phen, tràn giọt tủi,
Thuyền neo một mối, chạnh niềm tây.
Nơi nơi áo lạnh đua đo cát,
Thành Bạch chiều hôm nhận tiếng chày.

II.— Rừng phong mù-mịt lớp sương dày,
Đánh Giáp, non Vu nặng khí may.
Nước cuộn dòng sông, trời lẫn sóng,
Gió đùa chót ải, đất liền mây.
Thuyền cô lặng bến, lòng quê rối,
Cúc nhện từng phen, giọt tủi đầy. (1)
Rộn sầm áo bông, đua kéo thước,
Thành hôm nện vải nhịp vang dày.

III.— Rừng phong sương đã vội buông màn,
Đánh Giáp, non Vu khí rét chan.
Sóng cuộn lòng sông, trời nước lẫn,
Gió đùa đầu ải, đất mây làn.
Thuyền cô im bến, vườn xưa chạnh,
Cúc trở đôi phen, giọt tủi tràn. (1)
Kéo thước nhện khua lo áo lạnh,
Chiều hôm thành Bạch nhịp chày vang.

(1) Trong 2 bài dịch II và III, tôi đảo lộn 2 câu thứ 5 và 6.

HOÀNG-HẠC LÂU

Tích nơn đi thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng-Hạc lâu.
Hoàng hạc nhứt khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tinh xuyên lịch-lịch Hán-Dương thụ,
Phương thảo thê-thê Anh-Vũ châu.
Nhựt mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nơn sầu.

(THÔI HIỆU)

LÂU HOÀNG-HẠC

- I. — Cõi hạc người xưa tách đã lâu,
Đất này Hoàng-Hạc sót ngôi lâu.
Hạc vàng một vắng tăm chìm bật,
Mây trắng ngàn năm bóng lượn mau.
Dòng lặng Hán-Dương cây rợp-rợp,
Cỏ thơm Anh-Vũ bãi dầu-dầu.
Chiều hôm làng cũ nhìn đâu thấy ?
Khói sóng trên sông giục khách sầu.
- II. — Người xưa cõi hạc tung mây,
Còn lâu Hoàng-Hạc đất này trơ-trơ.
Hạc vàng biệt dạng khôn chờ,
Ngàn năm mây trắng dật-dờ trên không.
Hán-Dương dòng lặng cây chông,
Cỏ thơm Anh-Vũ ven sông dầu-dầu.
Chiều hôm làng cũ nhìn đâu ?
Trên sông khói sóng gợi sầu lòng ai !

Một ông bạn đưa cho xem bài thơ chữ nho sau đây, nói rằng của ông PHAN CHÂU TRINH làm lúc cổ xúy cho quốc-dân tỉnh dậy để tìm phương thể chống nạn thực-dân. Tôi thấy lời thơ thống-thiết mà hùng-hồn, nên tôi rán dịch ra đây.

Thế sự hồi đầu dĩ nhứt không,
Giang san vô lệ khắp anh hùng.
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bất cò văn-chương túy mộng trung.
Trường thù bách niên cam thóa mạ !
Bất tri hà nhứt xuất lao lung ?
Chư quân vị tất vô tâm huyết,
Bằng hướng tư văn khấn nhứt thông.

ĐÀO MỘNG GIÁC (PHAN CHÂU TRINH)

Sự thế quay nhìn đã hóa không,
Sông non chẳng lệ khóc anh hùng.
Dân quần-quại dưới chơn quân bạo,
Sĩ miệt-mài trong giấc mộng nồng.
Mãi chịu trăm năm nghe chửi mắng !
Sao mong một buổi thoát chuồng lồng ?
Các ngài chưa hẳn không tâm huyết ;
Xem bức thơ này ắt cảm thông.

(4-8-1961)



Tết năm 1967, lúc còn « bị vây » ở Vũng-Tàu, tôi lấy tấm thiệp chúc Tân Xuân gửi về cho một Bà Thi hữu ; nhìn cảnh đoàn ghe buồm cuốn neo trong cửa biển, tôi viết vào thiệp mấy câu này :

Lữ xá mơ màng mộng cổ viên,
Tin Xuân hoa đã báo ngoài hiên ;
Kề song mai rộ hai lần nở,
Rời bến hôm nao khách trở thuyền !

* * *

Một hôm, cũng ở Vũng-Tàu, nhìn ra biển chạnh nhớ một người bạn thân, chợt nghĩ đến một câu thơ của Lamartine :

« Un seul être vous manque et tout est dépeuplé »

Tôi dịch ra 2 câu lục bát :

Nhìn quanh vắng bóng một người,
Xem ra đường thề đất trời trống không.

* * *

Năm 1967, tôi trở về Saigon ra ứng cử Tổng - Thống Việt - Nam Cộng - Hòa.

Sau khi thất cử, có nhiều bạn đến khuyên tôi đi kiện. Tôi hỏi lại vậy chứ kiện ở đâu và kiện với ai ? Tôi đọc cho anh em nghe hai câu thơ sau đây của Alfred de Vigny :

« A voir ce que l'on fut sur terre et ce qu'on laisse,
Seul le silence est grand, tout le reste est faiblesse ».

Rồi tôi cũng dịch ra 4 câu lục bát sau đây :

Ngắm xem cái kiếp phù sinh,
Dẫu bao sự nghiệp cũng đành nhỏ nhen.
Chi lặng thinh mới đáng khen,
Còn chi chi cũng yếu hèn mà thôi.

* * *

Bình sanh tôi thích câu đối, bây giờ còn nhớ vài câu, nên ghi vào đây.

Cách đây hơn năm mươi năm, ngồi trên bờ sông nói chuyện với một anh bạn. Đột ngột anh nói : Đâu chú đối chùm câu đối này coi :

Nồi chìm mặt nước bèo tai chuột.
Tôi đối liền :
Sắp ngửa lòng sông cá lưôi trâu.

* * *

Một chú em, muốn phá chơi, rả câu :

Bực mình bình mực đồ.
Tôi đối :
Im chỗ ồ chim treo.

* * *

Một anh bạn ở Hội Hồng Thập Tự Việt Nam, sau một bữa cơm cùng ra về, đọc một câu cho là câu đối « ế » ở miền Trung :

« Không vô trong nội nhớ hoài »

(Câu đối rất hiềm hóc, vì đã nôm mà chữ).

KHÔNG tiếng chữ là VÔ 無
TRONG tiếng chữ là NỘI 內
NHỚ tiếng chữ là HOÀI 懷

Chẳng hiểu vì sao, bất thành linh tôi lại đối được :

« Ở tại sân đình lỗi quá »

Ở tiếng chữ là TẠI 在
SÂN tiếng chữ là ĐÌNH 廷
LỖI tiếng chữ là QUÁ 過

* *

Lúc tôi ở trong nhà giam với anh NGUYỄN TRUNG HẬU một hôm ra đứng ngoài đề cho người ta dọn phòng, tôi vỗ vai anh, nói :

難 爲 天 上 客
Nan vi thiên thượng khách,
寧 作 獄 中 仙
Ninh tác ngục trung tiên.

* *

Trong một buổi cơm của Nội Các năm 1969, cụ MAI THỌ TRUYỀN có đưa ra một câu đề mời anh em đối :

破 卵 似 船 , 滿 載 黃 金 白 玉
« Phá ỏãn tự thuyền, mãn tải huỳnh kim bạch ngọc »

(Bò trứng thành thuyền, khẳm chở vàng vàng ngọc trắng)

Trong buổi cơm, anh em không ai đối.

Hai hôm sau, tôi có bữa cơm đãi cụ TRẦN ĐÌNH NAM ngoài Trung vào thăm. Tôi mời một số bạn già, trong có cụ TRUYỀN (vì gặp, tôi mời bằng điện thoại); cụ từ chối viện lẽ..... Tôi nói: « Anh đến chơi; tôi sẽ đổi câu hôm nọ cho anh ». Cụ TRUYỀN đến. Sau bữa cơm, tôi đổi rằng:

建湖布景廣開綠水青山
« Kiến hồ bố cảnh, quảng khai lục thủy thanh sơn »

(Xây hồ bày cảnh, rộng khai nước biếc non xanh)

(Trước nhà, tôi có cho xây một cái hồ nhỏ có non bộ và có thả bèo nuôi cá).

* * *

Vì cảnh hồ này và vườn bông trước cửa, tôi có ý định đề một đôi câu đối, nhưng vẫn chưa làm:

壁面風吹衆蝶花間繞
« Bích diện phong xuy, chúng điệp hoa gian nhiễu,
湖心月照羣峰水上浮
Hồ tâm nguyệt chiếu, quần phong thủy thượng phù ».¹

(Mặt vách gió đùa, đàn bướm trong hoa chộn rộn,
Lòng hồ trăng chiếu, chòm non trên nước lênh đênh).

1. Trong câu này, tôi vô ý « ăn cắp » một đoạn trong bài thơ « TỔNG LUƠNG LỤC » của TRƯƠNG THUYẾT (Đường Thi), mà tôi có dịch ở trang 151:

« Ba-lăng nhứt vọng Động-đình thu,
Nhứt kiến cô phong thủy thượng phù,
..... »

Hồi hạ tuần tháng 10 năm 1973, lúc nằm dưỡng bệnh bên Hoa-Kỳ, nghe trong mình sắp chết, tôi có nghĩ ra 2 câu này đề trên mộ :

« Tên quèn then gởi cùng sông núi,
Xương mục chờ tiêu với cỏ hoa ».

* * *

Vào tháng hai năm 1974, tôi có nghĩ ra 2 câu sau này có thể đề treo giường thờ :

« Xem thời trời còn lắm nỗi gian nguy,
Nghĩ lại thêm buồn cho hậu thế;
Phò vận nước được vài phân ổn định,
May ra bớt then với tiền nhân ».



LAO TRUNG LÃNH VẬN

IN 1500 QUYỀN XONG NGÀY 26 - 07 - 1974

GIẤY PHÉP SỐ 3958/74 BDVCH/KSALP/TP

CẤP NGÀY 20 THÁNG 07 NĂM 1974